

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



NGUYỄN THỊ AN QUỲNH

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
DỒN ĐIỀN ĐỔI THỬA TẠI XÃ QUỲNH HỒNG
HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÀ NỘI - 2015

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
DÒN ĐIỀN ĐỔI THỬA TẠI XÃ QUỲNH HỒNG
HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Tên sinh viên : Nguyễn Thị An Quỳnh
Chuyên ngành đào tạo : Kinh tế
Lớp : KTA – K56
Niên khoá : 2011 - 2015
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Hải Ninh

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp “***Đánh giá tình hình thực hiện công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An***” là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong bài luận văn này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Các thông tin tài liệu trích dẫn trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị An Quỳnh

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới ThS. Nguyễn Thị Hải Ninh – bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành bài khóa luận này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các thầy, cô giáo khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn đã luôn tận tâm giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong suốt 4 năm học tập tại trường. Kính chúc quý thầy, cô dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các cô, chú cán bộ tại UBND xã và toàn thể người dân xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp những số liệu và thông tin cần thiết trong quá trình thực tập tại địa phương.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân và bạn bè đã luôn động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài này.

Trong quá trình nghiên cứu, mặc dù đã cố gắng để thực hiện đề tài một cách hoàn chỉnh nhất nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô giáo để bài khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị An Quỳnh

TÓM TẮT KHÓA LUẬN

Đất đai là tài sản, là nguồn lực vô cùng quý giá của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam là quốc gia đất chật người đông, đời sống của đại bộ phận nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp thì việc sử dụng, khai thác hiệu quả các loại quỹ đất hiện có là việc làm hết sức có ý nghĩa. Hiện nay, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ. Để từng bước hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp nông thôn, cần phải hạn chế tình trạng manh mún ruộng đất, xây dựng các vùng tập trung với quy mô thửa lớn, đưa cơ giới hóa vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, dồn điền đổi thửa cũng được xem là giải pháp tốt để đưa nền nông nghiệp sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trở thành nền nông nghiệp với quy mô lớn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng các vùng chuyên canh. Cùng với việc hực hiện Chỉ thị 08 của Tỉnh ủy Nghệ An về việc vận động nhân dân tiếp tục chuyển đổi, tích tụ ruộng đất nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thời gian qua UBND huyện Quỳnh Lưu đã có nhiều cách làm tích cực, đồng bộ và quyết liệt, nhận được sự đồng thuận cao trong nhân dân. Cùng với đó xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa. Để hiểu rõ hơn về tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trong cả nước nói chung và ở xã Quỳnh Hồng nói riêng tôi chọn đề tài: ***“Đánh giá tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An”***.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là: Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác dồn điền đổi thửa; đánh giá thực trạng công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng tới công tác dồn điền đổi thửa; đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng.

Để đạt được mục tiêu trên tôi dựa vào các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích so sánh, sử

dụng cây vấn đề. Để đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra, nghiên cứu chọn dung lượng mẫu là 60 hộ nông dân tại 3 thôn trong xã với tiêu chí phân loại theo nội dung nghiên cứu quy mô sản xuất của các hộ điều tra. Nhóm quy mô nhỏ là các hộ có diện tích đất canh tác dưới 800m^2 (15 hộ), nhóm quy mô vừa là các hộ có diện tích đất canh tác từ 800 đến 1500m^2 (20 hộ), nhóm quy mô lớn là các hộ có diện tích đất canh tác từ 1500m^2 trở lên (25 hộ).

Đề tài tập trung nghiên cứu vào các vấn đề sau:

- Thực trạng quá trình công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Đánh giá tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại các hộ điều tra.
- Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng.

Qua nghiên cứu đề tài “*Đánh giá tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An*” cho thấy tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An là khá tốt. Kết quả dồn điền đổi thửa đạt được như sau: tổng số thửa trên toàn xã năm 2014 là 4116 thửa, giảm 900 thửa so với năm 2012, thửa bình quân của cả xã giảm từ 2,74 xuống 2,14 thửa/hộ, diện tích thửa bé nhất là 260m^2 /thửa, diện tích thửa lớn nhất là 1776m^2 /thửa. Quá trình dồn đổi đã làm các ô thửa dồn ghép thành các ô thửa lớn tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng. Máy móc được đưa vào sản xuất nhiều hơn trước, giảm lao động chân tay dẫn đến giảm lao động trong nông nghiệp, từ đó tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động. Hệ thống giao thông nội đồng từng bước được cải thiện. Vì vậy, chi phí sản xuất của các hộ nông dân giảm đi, kết quả sản xuất và thu nhập của hộ nông dân tăng lên, nâng cao đời sống cho người dân. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số hạn chế khó khăn còn gặp phải như: một số người dân còn chưa nhận thức rõ về vấn đề dồn điền đổi

thừa, một số vùng địa hình quá xấu, nguồn ngân sách phục vụ công tác dồn điền đổi thửa còn hạn chế, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ còn yếu, một số thành viên ban chỉ đạo còn chưa sâu sát dẫn đến xung đột giữa cán bộ với người dân. Từ những khó khăn còn gặp phải, tôi đề xuất một số giải pháp sau: (1) giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác quy hoạch, (2) giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác dồn điền đổi thửa, (2) giải pháp khắc phục khó khăn trong việc giao đất.

Cuối cùng, để các giải pháp đưa ra đạt hiệu quả tôi đưa ra một số kiến nghị đối với cấp chính quyền địa phương và đối với người nông dân. Các kiến nghị này nếu được thực hiện tốt thì liên kết giữa các hộ nông dân và các cấp chính quyền địa phương ngày càng chặt chẽ hơn.

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
TÓM TẮT KHÓA LUẬN	iii
MỤC LỤC	vi
DANH MỤC BẢNG	ix
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	x
DANH MỤC HỘP	xi
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	xii
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1.1 Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
1.2 Mục tiêu nghiên cứu	2
1.2.1 Mục tiêu chung	2
1.2.2 Mục tiêu cụ thể	2
1.3 Câu hỏi nghiên cứu.....	3
1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
1.4.1 Đối tượng nghiên cứu	3
1.4.2 Phạm vi nghiên cứu	3
PHẦN II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC ĐỒN ĐIỀN ĐỔI THỬA.....	5
2.1 Cơ sở lý luận	5
2.1.1 Một số khái niệm cơ bản của đồn điền đổi thửa	5
2.1.2 Vai trò của đồn điền đổi thửa.....	8
2.1.3 Nguyên tắc của công tác đồn điền đổi thửa.....	9
2.1.4 Quy trình thực hiện chủ trương đồn điền đổi thửa	9
2.2 Cơ sở thực tiễn	14
2.2.1 Kinh nghiệm đồn điền đổi thửa ở một số quốc gia trên thế giới.....	14
2.2.2 Kinh nghiệm đồn điền đổi thửa tại một số địa phương ở Việt Nam	17

2.2.3 Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dồn điền đổi thửa	20
2.2.4 Bài học kinh nghiệm.....	22
PHẦN III. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU...	24
3.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu	24
3.1.1 Điều kiện tự nhiên	24
3.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội	27
3.1.3 Tình hình phân bổ và sử dụng đất nông nghiệp của xã Quỳnh Hồng ...	34
3.2 Phương pháp nghiên cứu	37
3.2.1 Phương pháp chọn điểm nghiên cứu.....	37
3.2 Phương pháp thu thập số liệu.....	37
3.2.1 Thu thập số liệu thứ cấp.....	37
3.2.2 Thu thập số liệu sơ cấp	38
3.2.3 Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu.....	39
3.2.4 Phương pháp phân tích số liệu	39
3.2.5 Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu.....	39
PHẦN IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	41
4.1 Thực trạng quá trình công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng	41
4.1.1 Căn cứ pháp lý để thực hiện công tác dồn điền đổi thửa	41
4.1.2 Tình hình triển khai các hoạt động dồn điền đổi thửa	42
4.1.3 Kết quả dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng	54
4.2 Đánh giá tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại các hộ điều tra...56	
4.2.1 Thông tin chung	56
4.2.2 Kết quả dồn điền đổi thửa tại các hộ	58
4.2.3 Đánh giá công tác dồn điền đổi thửa.....	59
4.2.4 Nhận thức của người dân về dồn điền đổi thửa	63
4.2.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác DDDT.....	63
4.3 Giải pháp thúc đẩy công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng nói riêng và tại các địa phương khác nói chung	67

4.3.1 Giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác quy hoạch tại xã.....	67
4.3.2 Giải pháp khắc phục khó khăn trong việc xác định phương án dồn điền đổi thửa	69
4.3.3 Giải pháp khắc phục khó khăn trong việc giao đất.....	70
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	71
5.1. Kết luận.....	71
5.2. Kiến nghị.....	72
5.2.1. Đối với chính quyền địa phương.....	73
5.2.2 Đối với người nông dân	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	74
PHỤ LỤC.....	77

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Tình hình dân số và lao động của xã giai đoạn 2012 - 2014	29
Bảng 3.2 Tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã giai đoạn 2012 - 2014...	31
Bảng 3.3 Biến động sử dụng đất xã Quỳnh Hồng	35
Bảng 4.1 Một số hoạt động tuyên truyền tại các thôn điều tra	45
Bảng 4.2 Kết quả công tác tuyên truyền của 3 thôn năm 2014.....	46
Bảng 4.3 Hoạt động rà soát thống kê ruộng đất tại các thôn điều tra	49
Bảng 4.4 Tổng hợp thống kê ruộng đất trước DDĐT.....	50
Bảng 4.5 Một số hoạt động xây dựng đề án DDĐT tại các thôn điều tra	52
Bảng 4.6 Một số hoạt động giao đất ngoài thực địa tại 3 thôn điều tra.....	53
Bảng 4.7 Kết quả chuyển đổi ruộng đất năm 2014 tại xã Quỳnh Hồng.....	54
Bảng 4.8 Thông tin cơ bản về các hộ điều tra	56
Bảng 4.9 So sánh diện tích và số thửa sau chuyển đổi ruộng đất tại 60 hộ điều tra.....	57
Bảng 4.10 Đánh giá các bước thực hiện công tác DĐĐT của xã Quỳnh Hồng ...	59
Bảng 4.11 Đánh giá mức độ phù hợp của chủ trương dồn điền đổi thửa của xã so với tình hình sản xuất nông nghiệp của địa phương	62

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

SƠ ĐỒ:

- Sơ đồ 4.1 Thành phần ban chỉ đạo công tác dồn điền đổi thửa cấp xã 42
- Sơ đồ 4.2 Thành phần tiểu ban chỉ đạo DĐĐT tại các thôn 43
- Sơ đồ 4.3 Khó khăn trong công tác dồn điền đổi thửa xã Quỳnh Hồng..... 65

BIỂU ĐỒ:

- Biểu đồ 4.1. Đánh giá của hộ về các bước thực hiện công tác DĐĐT..... 60

DANH MỤC HỘP

Hộp 1. Ý kiến của người dân về kết quả công tác dồn điền đổi thửa.....	64
Hộp 2. Ý kiến của hộ nông dân về tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ tham gia chỉ đạo công tác DĐĐT.....	66
Hộp 3. Ý kiến của hộ nông dân về việc đo đạc đất không chính xác.....	67

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCĐ	Ban chỉ đạo
BQ	Bình quân
BTV	Ban thường vụ
CC	Cơ cấu
CN – TTCN – XD	Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng
CNH – HĐH	Công nghiệp – hiện đại hóa
ĐĐĐT	Đồn điền đổi thửa
ĐVT	Đơn vị tính
GCNQSD	Giấy chứng nhận quyền sử dụng
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
SL	Số lượng
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1 Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đất đai vô cùng quý giá nhưng không phải là vô tận, bởi lãnh thổ - đất đai của mỗi quốc gia dù có rộng lớn bao nhiêu cũng chỉ là hữu hạn. Đối với Việt Nam, là quốc gia đất chật, người đông, đời sống của đại bộ phận nhân dân dựa vào sản xuất nông nghiệp thì việc sử dụng, khai thác có hiệu quả các loại quỹ đất hiện có là việc làm hết sức có ý nghĩa. Để thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa chúng ta phải giành đất sản xuất nông nghiệp cho công nghiệp- thương mại - dịch vụ phát triển. Do đó quỹ đất sản xuất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp, điều này trên thực tế đã và đang diễn ra trên phạm vi cả nước. Mặt khác, để phát triển sản xuất nông nghiệp thì phải tập trung ruộng đất (dồn điền, đổi thửa) để sản xuất lớn nhằm phát huy hiệu quả quỹ đất nông nghiệp trong điều kiện hiện nay. Do đó nhiệm vụ quan trọng của cả nước cần phải có chiến lược và những giải pháp thiết thực nhằm khai thác, sử dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại sao cho có hiệu quả nhất là điều đang được cả nước quan tâm chú ý.

Nhận thức được những ảnh hưởng bất lợi của tình trạng manh mún ruộng đất (gọi tắt là dồn điền đổi thửa) trong sản xuất nông nghiệp, Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20 tháng 2 năm 1998 và chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/07/1999 nhằm khuyến khích nông dân và chính quyền địa phương các cấp thực hiện chuyển đổi ruộng đất từ thửa ruộng nhỏ thành thửa ruộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất nông nghiệp. Thực hiện các chỉ thị của Chính phủ, nhiều địa phương trong cả nước đã tiến hành công tác chuyển đổi ruộng đất với sự tham gia của các hộ nông dân dưới sự giám sát, chỉ đạo của các cấp chính quyền.

Trước đây, khi chưa chuyển đổi, toàn huyện Quỳnh Lưu có hơn 163 nghìn thửa sản xuất nông nghiệp, sau khi chuyển đổi chỉ còn lại trên 83 nghìn

thừa, giảm 51% (*Hồng Diện, 2014*). Đồng thời hình thành các vùng chuyên canh lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nông dân, tiết kiệm được thời gian công sức, chi phí sản xuất.

Quỳnh Hồng là một xã đồng bằng thuộc vùng giữa huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Xã Quỳnh Hồng có diện tích 4,66 km², dân số năm 1999 là 7.078 người, mật độ dân số đạt 1519 người/km² (*bách khoa toàn thư, 2015*). Cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh, văn hóa xã hội và cho sản xuất còn yếu vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Là một xã đồng bằng thuần nông nên thu nhập chính của người dân trong xã chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, ý thức được đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt có ý nghĩa quyết định trong sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, đồn điền đổi thửa đã có những tác động tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất hiệu quả cây trồng, vật nuôi, tích cực góp phần phát triển kinh tế của các hộ nông dân trong vùng. Tuy nhiên, quá trình đồn điền đổi thửa vẫn tồn tại những bất cập đã gây ra những cản trở không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Xuất phát từ những vấn đề trên, tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài: ***“Đánh giá tình hình thực hiện công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An”***.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu chung

Đánh giá công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đồn điền đổi thửa tại địa bàn nghiên cứu.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác đồn điền đổi thửa.

- Đánh giá thực trạng công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng tới công tác đồn điền đổi thửa.
- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng.

1.3 Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm trả lời các câu hỏi sau đây có liên quan đến đồn điền đổi thửa và công tác đồn điền đổi thửa ở xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu.

- 1) Thực trạng công tác đồn điền đổi thửa tại xã như thế nào? Ý kiến của người dân về công tác đồn điền đổi thửa như thế nào?
- 2) Trong quá trình đồn điền đổi thửa đã gặp phải những khó khăn và thuận lợi gì?
- 3) Có những giải pháp nào để thúc đẩy công tác đồn điền đổi thửa?

1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các nội dung liên quan đến vấn đề đồn điền đổi thửa. Các nội dung này được thể hiện qua các đối tượng khảo sát sau:

- Các hộ dân tham gia đồn điền đổi thửa trên địa bàn xã Quỳnh Hồng.
- Chính quyền địa phương và các chính sách có liên quan đến đồn điền đổi thửa tại địa phương.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến đồn điền đổi thửa tại địa phương.

1.4.2 Phạm vi nghiên cứu

1.4.2.1 Phạm vi về không gian

Đề tài được nghiên cứu tại địa bàn xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

1.4.2.2 Phạm vi về thời gian

- ❖ Thời gian thu thập số liệu và tài liệu để nghiên cứu, phân tích từ năm 2012-2014
- ❖ Thời gian thực hiện đề tài: khóa luận được thực hiện từ ngày 1/2015 đến 2/6/2015

1.4.2.3 Phạm vi nội dung

Tập trung nghiên cứu, đánh giá công tác đồn điền đổi thửa, phân tích những vấn đề ảnh hưởng đến công tác đồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng từ đó đề xuất giải pháp khắc phục những vấn đề tồn tại trong công tác đồn điền đổi thửa tại xã.

PHẦN II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC ĐỒN ĐIỀN ĐỔI THỬA

2.1 Cơ sở lý luận

2.1.1 Một số khái niệm cơ bản của đôn điền đổi thửa

❖ *Khái niệm về đất đai*

Trong kinh tế học, đất bao gồm tất cả các tài nguyên có nguồn gốc tự nhiên, chẳng hạn như vị trí địa lý của khu vực đất đai, các tài nguyên khoáng sản dưới lòng đất, và thậm chí các thành phần của phổ điện từ. Trong kinh tế học cổ điển nó được coi là một trong các yếu tố sản xuất, các yếu tố khác là tư bản và sức lao động.

Theo V.V. Đôcutraiep (1879) người Nga là người đầu tiên đã xác định một cách khoa học về đất rằng: Đất là tầng ngoài của đá bị biến đổi một cách tự nhiên dưới tác dụng tổng hợp của nhiều yếu tố. Theo Đôcutraiep: Đất trên bề mặt lục địa là một vật thể thiên nhiên được hình thành do sự tác động tổng hợp cực kỳ phức tạp của 5 yếu tố: sinh vật, đá mẹ, địa hình, khí hậu và tuổi địa phương.

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng. Trải qua nhiều thế hệ nhân dân ta đã tốn bao nhiêu công sức, xương máu tạo lập nên, bảo vệ vốn đất như hiện nay (*Phạm Văn Đình- Đỗ Kim Chung, 1999*)

❖ *Khái niệm về đất nông nghiệp*

Theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam thì đất nông nghiệp thường được hiểu là đất trồng lúa, trồng cây hoa màu như: ngô, khoai, sắn và những loại cây được coi là cây lương thực. Tuy nhiên, trên thực tế việc sử dụng đất nông nghiệp tương đối phong phú, không chỉ đơn thuần là để trồng

lúa, hoa màu mà còn dùng vào mục đích chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản hay để trồng cây lâu năm...

Theo quy định của Luật đất đai năm 2003 có thể hiểu nhóm đất nông nghiệp là tổng thể các loại đất có đặc tính sử dụng giống nhau, với tư cách là tư liệu sản xuất chủ yếu phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, khoanh nuôi tu bổ bảo vệ rừng, nghiên cứu thí nghiệm về nông nghiệp, lâm nghiệp.

Theo luật đất đai năm 2013, đất nông nghiệp được chia thành các nhóm đất chính như: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp là đất được sử dụng chủ yếu vào trong lĩnh vực trồng cây nông nghiệp, bao gồm: đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

❖ *Khái niệm tích tụ (tập trung) đất đai*

Hạn điền của Việt Nam bắt đầu được lập ra từ 1993, với ý tưởng ruộng đất phải hạn chế lại, không để cho giai cấp địa chủ trỗi dậy. Nhưng đến lúc này việc bỏ hạn điền là hợp lý, vì chúng ta cần tập trung những vùng đất lớn mới phù hợp với tính chất công nghiệp. Hơn nữa, lúc này chúng ta đang muốn giảm dân số trong khu vực nông nghiệp để chuyển sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Việc giảm dân số ở khu vực nông nghiệp là đương nhiên, vậy thì việc tăng diện tích là đương nhiên. Đó là xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, không giống như xu hướng kinh tế nông nghiệp như trong thời đại phong kiến.

Tập trung là dồn vào một chỗ, một điểm. Tập trung tư bản là làm tăng thêm tư bản do hợp nhất nhiều tư bản lại, hoặc một tư bản này thu hút một tư bản khác.

Tập trung đất đai trong nông nghiệp là phương thức làm tăng quy mô diện tích của thửa đất và chủ thể sử dụng đất thông qua các hoạt động dẫn tới

tập trung ruộng đất như : chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê đất, thuê lại đất, thừa kế, thế chấp đất ... Hay nói cách khác, đó là việc sát nhập hoặc hợp nhất ruộng đất của các chủ sở hữu khác nhau vào một chủ sở hữu hoặc hình thành một chủ sở hữu mới có quy mô ruộng đất lớn hơn.

❖ *Khái niệm về dồn điền đổi thửa*

Đổi đất là dồn ghép nhiều thửa ruộng nhỏ thành một hay một vài thửa ruộng lớn hơn. Đổi ruộng liên quan nhiều đến quy hoạch và thiết kế lại ô thửa, giao thông thủy lợi nội đồng. Hộ nông dân tham gia vào đổi ruộng không mất đi về ruộng đất mà giá trị ruộng đất giữ nguyên, chỉ có sự thay đổi về diện tích, vị trí, số thửa. Nguyên tắc cơ bản về đổi ruộng là nguyên tắc bằng giá, nghĩa là các diện tích đổi với nhau phải cùng một cấp độ hay cùng một giá trị (*Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, 2002*)

Dồn điền đổi thửa hay còn gọi là tích tụ ruộng đất, chuyển đổi ruộng đất nhỏ thành ruộng đất lớn. Trong nghiên cứu về tư bản cũng đã đề cập đến vấn đề tương tự: “tích tụ tư bản” và “tập trung tư bản”. Các Mác cho rằng: “tích tụ tư bản là đầu tư bản là đầu tư tăng thêm vào tư bản đã có làm cho tổng tư bản tăng lên. Quá trình đó được thực hiện bởi tích tụ tư bản và tập trung tư bản. Mà tích tụ tư bản là làm cho quy mô của xã hội tăng lên nhờ có tích lũy tư bản cá biệt. Tập trung tư bản là hợp nhất một số tư bản cá biệt đã có thành một tư bản lớn hơn thông qua việc các nhà tư bản thôn tính lẫn nhau hay liên doanh, liên kết với nhau”.

Dồn điền đổi thửa là việc tập hợp dồn đổi các thửa ruộng nhỏ thành thửa ruộng lớn trái ngược với việc chia cắt mảnh ruộng to thành mảnh ruộng nhỏ. Bản chất của quá trình này là dồn ghép các ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, sắp xếp quy lại ruộng đất, khắc phục tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất, tổ chức thiết kế lại đồng ruộng. Hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, nâng cao hệ số sử dụng đất, đẩy nhanh chuyển dịch sản xuất theo hướng sản

xuất hàng hoá, phát triển kinh tế hộ và trang trại, củng cố quan hệ sản xuất, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn (*Đinh Thị Dung, 2004*).

Dồn điền đổi thửa sẽ không làm thay đổi quyền sử dụng của nông dân đã được quy định, tuy nhiên việc thực hiện quá trình này có thể làm thay đổi khả năng tiếp nhận ruộng đất của các hộ hưởng lợi khác nhau, dẫn đến thay đổi bình quân ruộng đất của các nhóm giảm số lượng ruộng đất trên một hộ, tăng diện tích canh tác trên hộ, từ đó giảm bớt chi phí lao động, tăng khả năng đầu tư, áp dụng tư bản kỹ thuật tạo ra hiệu quả cao hơn trên một diện tích đất canh tác.

Dồn điền đổi thửa là quá trình tập trung ruộng đất của người nông dân từ những thửa ruộng nhỏ thành những thửa ruộng lớn hơn, giữ nguyên giá trị của đất, chỉ có sự thay đổi về diện tích và vị trí của thửa ruộng, từ đó giúp cho người nông dân có thể thay đổi cách tiếp cận ruộng đất của các hộ, cho lợi ích khác nhau, tăng diện tích ruộng lên nhờ việc giảm được vùng bờ thửa nhiều, làm chi phí lao động giảm, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật sẽ nhiều hơn, làm tăng năng suất cây trồng, tiết kiệm sức lực cho người nông dân...

2.1.2 Vai trò của dồn điền đổi thửa

- Dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp sẽ khắc phục được tình trạng ruộng đất manh mún.

Vì hiện nay mỗi hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa ruộng ở nhiều xứ đồng khác nhau, nên khi thực hiện dồn điền đổi thửa thì bình quân số thửa ruộng trên hộ sẽ giảm. Ruộng đất của các hộ được tập trung về một khu vực sẽ thuận lợi cho việc đầu tư, thâm canh, tiết kiệm được chi phí, đi lại, vận chuyển sản phẩm khi thu hoạch. Mặt khác khi dồn điền đổi thửa số thửa giảm, ít bờ ruộng hơn, nên diện tích đất canh tác sẽ tăng lên so với trước khi chưa dồn điền đổi thửa.

- Quá trình dồn điền đổi thửa tạo ra những thửa ruộng lớn hơn trên nền tảng là khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, nông nghiệp, nông thôn. Khi diện

tích của mỗi thửa ruộng đủ lớn người nông dân dễ dàng đầu tư thâm canh, lựa chọn công sức canh tác, đồng thời đưa cơ giới hóa vào sản xuất thay thế sức người, sức kéo của vật nuôi, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Quá trình chuyển đổi ruộng đất đồng thời nghĩa với việc quy hoạch lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, góp phần ổn định và thuận lợi trong việc vận chuyển, tưới tiêu trên đồng ruộng. Đây là bước đầu và cũng là bước đệm làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển một ngành nông nghiệp hàng hóa và là một bước của quá trình xây nông thôn mới.

2.1.3 Nguyên tắc của công tác dồn điền đổi thửa

Thực hiện việc dồn điền đổi thửa trước hết phải đảm bảo các nguyên tắc sau theo đề án dồn điền đổi thửa của ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

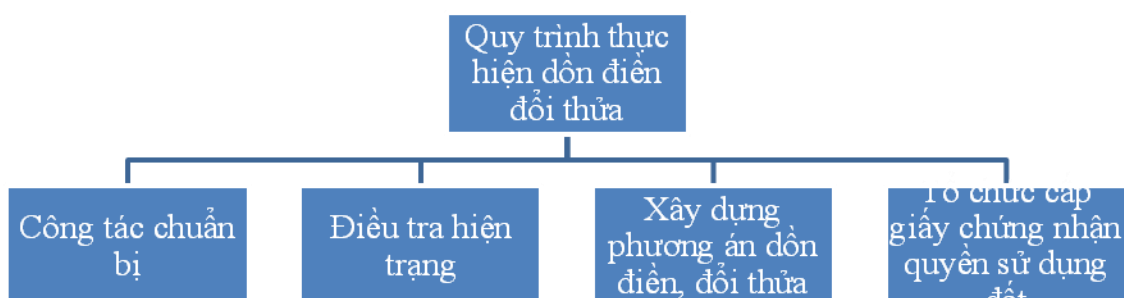
- Việc dồn điền đổi thửa thực chất là cuộc vận động nhân dân tự nguyện dồn chuyển diện tích, vị trí đất nông nghiệp hiện có của hộ gia đình, cá nhân (vùng ngoài đồng) từ nhiều thửa nhỏ ở các khu vực khác nhau thành thửa lớn phù hợp với vùng sản xuất theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích các nhóm hộ nhận vào một thửa theo hình thức nhận chuyển nhượng và tích tụ ruộng đất.

- Phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ngành các tổ chức chính trị xã hội và ý kiến tham gia của nhân dân trong quá trình thực hiện; phù hợp với quy định của pháp luật với quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự đoàn kết ổn định tình hình nông thôn.

2.1.4 Quy trình thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa

Theo văn bản hướng dẫn thực hiện dồn điền đổi thửa phục vụ xây dựng nông thôn mới thì trình tự xây dựng và các bước tổ chức thực hiện phương án dồn điền đổi thửa ở xã, thôn như sau:



Sơ đồ 2.1 Quy trình thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa

2.1.4.1 Công tác chuẩn bị:

❖ Ủy ban nhân dân xã thu thập các tài liệu phục vụ công tác dồn điền, đổi thửa như:

- Tài liệu về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới, các quy hoạch khác có liên quan (bản đồ, thuyết minh, đề án quy hoạch...).

- Các tài liệu về bản đồ, số mục kê, số quy chủ, sơ đồ giao ruộng ở thôn (xóm).

- Danh sách các hộ có đất bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ để phục vụ các dự án, danh sách các hộ đã chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp (nếu có).

- Các tài liệu khác có liên quan.

❖ Chuẩn bị các vật tư phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện phương án dồn điền đổi thửa: Cọc tre, thước dây, máy tính, giấy troki...

- Rà soát chất lượng, tính đồng bộ của từng loại tài liệu và giữa tài liệu với hiện trạng sử dụng đất để phục vụ công tác dồn điền đổi thửa.

- Họp ban chỉ đạo và tổ công tác thực hiện dồn điền đổi thửa, cung cấp tài liệu, phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thống nhất nội dung, cách thức triển khai thực hiện.

2.1.4.2 Điều tra hiện trạng

Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tổ chức điều tra hiện trạng thống kê diện tích đất nông nghiệp của xã (kể cả diện tích xâm canh xã khác); xác

định diện tích sử dụng đất nông nghiệp của từng hộ gồm: Số lượng thửa ruộng, loại đất, diện tích. Trong đó phải xác định cụ thể: diện tích giao ổn định lâu dài (kể cả diện tích mà hộ gia đình, cá nhân đã nhận chuyển nhượng hợp pháp), diện tích thuê, đấu thầu diện tích đất công ích, đất khó giao của ủy ban nhân dân xã. Điều tra những trường hợp được chia ruộng nay không còn nhu cầu sản xuất, vận động, thuyết phục để họ tự nguyện trả cho xã hoặc chuyển nhượng cho các hộ có nhu cầu (Tổng hợp theo các biểu mẫu điều tra).

2.1.4.3 Xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa

Bước 1: Xác định diện tích đất giao thông, thủy lợi

Đây là bước quan trọng trong công tác dồn điền đổi thửa và xây dựng nông thôn mới vì vậy khi xác định vị trí diện tích các tuyến giao thông, thủy lợi nội đồng cần phải bám sát quy hoạch, các tiêu chí của nông thôn mới, các yêu cầu đặt ra như: Cụ ly, khẩu độ... hạn chế chia cắt các xứ đồng, tận dụng tối đa hệ thống giao thông thủy lợi đã có, tiết kiệm và sử dụng đất có hiệu quả.

- Nội dung các bước tiến hành

- Trên cơ sở quy hoạch các tuyến giao thông, thủy lợi nội đồng đã được phê duyệt, tổ chức cắm cọc phóng tuyến ngoài thực địa.

- Xác định chính xác diện tích các loại đất cần phải lấy vào để làm đường giao thông, thủy lợi nội đồng trên các tuyến đã được quy hoạch cắm mốc kê cả trên diện tích xâm canh (Riêng vùng xâm canh phải thực hiện theo quy hoạch giao thông, thủy lợi của nơi có đất).

- Tính toán khối lượng đào đắp, thời gian thực hiện, dự toán kinh phí đào đắp.

- Tổng hợp, tính toán, xác định diện tích đất nông nghiệp các hộ cần đóng góp để xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng.

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo tổ chức họp lấy ý kiến của nhân dân và thông báo diện tích đóng góp, ngày công lao động đóng góp và ban hành Nghị quyết về các nội dung mà nhân dân đã nhất trí để lãnh đạo, chỉ đạo theo nguyên tắc tiểu số phục tùng đa số.

- Lập danh sách đối trừ diện tích của từng .

Bước 2: Thực hiện quy vùng diện tích đất 5% công ích hiện có và xác định diện tích đất thực hiện dồn đổi:

- Căn cứ vào quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt, bố trí diện tích đất 5% công ích vào các vị trí đã được quy hoạch cho các công trình công cộng như: Giáo dục, Y tế, trụ sở của ủy ban nhân dân xã, sân vận động, hội trường thôn, nghĩa trang, nghĩa địa, bãi rác, chợ...

- Sau khi bố trí diện tích đất 5% công ích để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng tiến hành xác định lại toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại các vùng, xứ đồng của từng thôn.

- Thể hiện diện tích lên sơ đồ theo quy hoạch vùng sản xuất và quy hoạch giao thông, thủy lợi đã được phê duyệt

- Hoạch định rõ vị trí, diện tích đất 5% còn lại, diện tích đất giữ ổn định không dồn đổi, diện tích đất đã thực hiện việc chuyển đổi, diện tích đất nông nghiệp còn lại của từng thôn thực hiện dồn đổi.

- So sánh với diện tích giao theo tiêu chuẩn của thôn để dự kiến cân đối và điều chỉnh diện tích dồn đổi của các thôn cho phù hợp (hạn chế việc giao ruộng gián tiếp).

Bước 3: Quy hoạch vùng nhóm đất

Trên cơ sở diện tích đất nông nghiệp thực hiện dồn đổi theo từng vùng sản xuất đã được quy hoạch, ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các thôn họp nhân dân để bình nhóm đất theo vùng quy hoạch cho phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của từng địa bàn.

Đưa nhóm đất đã bình lên sơ đồ so sánh, cân nhắc, chỉnh sửa và thống nhất niêm yết công khai.

Trong quá trình bình nhóm đất phải xác định cụ thể:

- Diện tích xa, xấu đất trồng lúa kém hiệu quả, nếu vùng diện tích này nằm trong quy hoạch chuyển đổi thì hướng dẫn cho các hộ thực hiện việc chuyển đổi, nếu không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cần phải xác định hệ số quy đổi K cho phù hợp đồng thời khuyến khích các hộ có khả năng đầu tư tự nguyện nhận diện tích xa, xấu.

- Xác định vùng diện tích đất cho đối tượng ưu tiên (nếu có).

Bước 4: Hoàn chỉnh phương án dồn điền, đổi thửa:

- Trên cơ sở các nhóm đất đã được bình và thống nhất, ủy ban nhân dân xã thống nhất phương án dồn điền đổi thửa theo phương án rõ rỗi toàn bộ hoặc điều chỉnh theo vùng.

- Tổ chức vận động và khuyến khích hộ gia đình cá nhân không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trả đất ra hoặc chuyển nhượng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Vận động, khuyến khích các hộ gia đình trong cùng dòng họ, bố con, anh em... nhận vào một số vùng sản xuất tập trung để mỗi hộ chỉ có một thửa hoặc nhóm hộ sản xuất vào một thửa ruộng.

- Khuyến khích việc tích tụ ruộng đất để sản xuất vào một vùng tập trung.

- Tổng hợp kết quả vận động, khuyến khích và thống nhất biện pháp tiến hành dồn điền đổi thửa ngoài thực địa.

- Dự thảo xây dựng phương án dồn điền đổi thửa: trong phương án phải thể hiện được mục đích, yêu cầu, nội dung và biện pháp tiến hành kèm theo là các biểu tổng hợp chi tiết, sơ đồ nhóm đất...

Bước 5: Thông qua phương án dự thảo, lấy ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh phương án

- Tổ chức họp dân (theo địa bàn thôn) phổ biến dự thảo phương án dồn điền đổi thửa để nhân dân tham gia ý kiến.

- Hợp Đảng bộ báo cáo phương án đã tiếp thu ý kiến của nhân dân để Đảng bộ cho ý kiến và ban hành nghị quyết thực hiện.

- Trình ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án công khai phương án đã được phê duyệt và giao cho thôn lập kế hoạch tổ chức thực hiện phương án gồm:

+ Đào đắp hệ thống giao thông, thủy lợi theo quy hoạch.

+ Tổ chức cho nhân dân bốc thăm

+ Dự kiến cách chia ruộng theo kết quả bốc thăm, sau khi thống nhất được cách chia tổ chức giao đất ngoài thực địa.

2.1.4.4 Tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Sau khi giao ruộng, tiến hành đo đạc hoặc chỉnh lý bản đồ, sổ sách cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Thông báo số thửa, diện tích, loại đất của từng hộ sau dồn điền đổi thửa. Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trước khi dồn điền đổi thửa; thông báo cho các tổ chức tín dụng biết các trường hợp đang thế chấp; phát đơn theo mẫu quy định để hoàn thiện hồ sơ trình ủy ban nhân dân huyện xét cấp đổi cấp lại, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hoàn thiện hồ sơ địa chính.

2.2 Cơ sở thực tiễn

2.2.1 Kinh nghiệm dồn điền đổi thửa ở một số quốc gia trên thế giới

Ở Thái Lan, sự xuất hiện hàng loạt các đô thị khổng lồ ở vài chục năm gần đây làm cho dân số tăng nhanh (bình quân 3%/năm). Kể từ năm 1970, đất nông nghiệp mất đi trung bình 1%/năm. Các trang trại bị chia nhỏ giảm dần về quy mô ruộng đất. Trung bình một hộ năm 1950 có 4,8 ha đến năm 1963 còn 4,5 ha, năm 1978 là 4,1 ha và 15 năm sau, năm 1993 chỉ còn 3,5 ha (TS. Đào Thế Anh, 2002). Sự giảm quy mô trung bình ruộng đất ở Thái Lan một phần nữa còn được do sự chia đều ruộng đất cho con cái thừa kế và sự chậm tiến bộ về mặt công nghệ, kỹ thuật sản xuất. Giai đoạn 20 năm từ 1955 đến 1975 là giai đoạn giá nông sản (lúa) khá thấp, công nghệ sản xuất “bão hòa”

(Molle và Srijant,2000) không khuyến khích được tập trung ruộng đất. Trên thực tế, giá nông sản thấp và sự bần cùng hóa nông dân luôn đi cùng với sự chia nhỏ quy mô sản xuất bởi vì lợi ích đầu tư ruộng đất lúc đó không cao, người ta cần chia nhỏ và đa dạng hoạt động để tránh rủi ro và cũng còn bởi vì thiếu những người đủ tiền bạc, thực lực để mà mua đất vào.

❖ Nhật Bản

Những năm 1960, mỗi hộ nông dân Nhật có nhiều thửa đất phân tán, xa nhau quy mô mỗi thửa chỉ từ $500m^2 - 1000m^2$, sản xuất nông nghiệp chủ yếu sử dụng lao động thủ công và sức kéo gia súc, vì thế tạo ra bất bình đẳng lớn về thu nhập giữa lao động nông nghiệp và lao động của các ngành khác. Để phát triển nông nghiệp, năm 1961 Chính phủ Nhật Bản đã ban hành Luật cơ bản về nông nghiệp. Một trong ba mục tiêu chính của Luật cơ bản nông nghiệp là đưa nông nghiệp từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Để thực hiện mục tiêu này Bộ nông nghiệp đã đề ra “ Sự nghiệp xây dựng ruộng đất với ba mục tiêu: rộng, chắc chắn, sâu”.

- Rộng: nâng kích thước ruộng lên 0,3 ha.

- Chắc chắn: cải tạo nền đất yếu, nhiều bùn, hay lún trên cơ sở kiến thiết xây dựng thoát nước cho từng thửa ruộng và toàn khu vực để có thể sử dụng máy móc thuận lợi.

- Sâu: cải tạo tầng canh tác ruộng đất đảm bảo độ dày khoảng 1m

Để đáp ứng nhu cầu trên cần phải làm hai việc:

- Về mặt hành chính: xử lý chuyên đổi đất từ các thửa nhỏ ở xa nhau thành các thửa có kích thước lớn.

- Về mặt kỹ thuật: gắn liền với việc xử lý kích thước thửa ruộng là việc xây dựng hệ thống tưới tiêu và san ủi mặt bằng.

Sự nghiệp chuyên đổi là khó khăn phức tạp vì vậy có nơi làm dần từng bước, lúc đầu từ $500m^2 - 1000m^2$, sau vài năm lên $2000m^2$, vài năm sau lên $3000m^2$.

Kết quả là khoảng 2 triệu ha trong 2,7 triệu ha đất lúa nước đã được xử lý, chuyển đổi. Số còn lại chủ yếu là đất trồng cỏ. Trước chuyển đổi bình quân một hộ có 3,4 thửa ruộng, sau khi chuyển đổi còn 1,8 thửa ruộng. Việc xử lý chuyển đổi đất nông nghiệp đã làm tăng hiệu suất của máy móc nông nghiệp, tăng sức sản xuất của đất đai, làm năng suất lao động của người nông dân, tạo điều kiện phát triển hàng hóa để nâng cao sức cạnh tranh của nông nghiệp. Vì vậy, cùng những yêu cầu khác, việc chuyển đổi xử lý đất nông nghiệp đã góp phần quan trọng đưa năng suất lúa từ 3000kg gạo/ha năm 1960, lên 6000kg gạo/ha năm 1992. Hiện nay, việc đổi xử lý ruộng đất được tiếp tục khuyến khích lên 1 ha hoặc 2 ha, có thể lên tới 3 ha hoặc 6 ha, tiến gần đến quy mô thửa ruộng của nước Mỹ (*Đặng Tuấn, 2011*).

❖ Mỹ

Mỹ là một trong những nước lớn trên thế giới nằm ở khu vực Bắc Mỹ, khí hậu của Mỹ phần lớn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Mỹ là nền nông nghiệp phát triển với quy mô lớn và mức tăng trưởng cao nhất thế giới, đã tạo cơ sở vật chất kỹ thuật thúc đẩy nông nghiệp nhanh chóng đi lên, công nghiệp hóa hiện đại hóa là điều kiện phát huy tập trung ruộng đất. Sản xuất nông nghiệp ở Mỹ điển hình là kinh tế trang trại, sản xuất nông sản hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Tất cả các yếu tố từ đầu vào đến đầu ra đều là hàng hóa. Mục tiêu trong sản xuất nông nghiệp không phải là tự cấp tự túc mà là hàng hóa bán trên thị trường trong và ngoài nước với khối lượng lớn. Chính phủ Mỹ luôn quan tâm đến việc phát triển ngành nông nghiệp. Chính phủ tạo điều kiện cho các hộ sản xuất nông nghiệp có thể mua đất, thuê đất để sản xuất trên quy mô trang trại. Vì vậy sản phẩm nông nghiệp chủ yếu được sản xuất từ trang trại. Toàn nước Mỹ có khoảng 2,3 triệu trang trại. Trong đó trang trại gia đình có quy mô khoảng 195 ha chiếm hơn 90% (chiếm khoảng 60 – 65% diện tích đất canh tác); 10% trang trại còn lại có quy mô lớn khoảng 850 ha chiếm 35 – 40% diện tích đất canh tác. Trong 2,3 triệu trang trại nói trên thì

có khoảng 15 – 20% trang trại điều hành bằng máy vi tính để điều tiết nguồn dinh dưỡng cho cây trồng, vật nuôi. Đây là yếu tố hàng đầu để khoảng 5% dân số của nước Mỹ tham gia sản xuất nông nghiệp nhưng họ không những vẫn đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho đất nước mà còn xuất khẩu ra các nước trên thế giới, các mặt hàng nông sản của Mỹ có thể cạnh tranh với các nước có nền nông nghiệp lớn (Nguyễn Phương Thúy, 2012).

2.2.2 Kinh nghiệm dồn điền đổi thửa tại một số địa phương ở Việt Nam

Từ những nguyên nhân nêu trên cho thấy ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ mang lại nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp đối với người dân. Thứ nhất, người dân bị mất đi một phần diện tích đất do có nhiều bờ để chia thửa, gây khó khăn cho việc dẫn nước tưới tiêu, có khi còn xảy ra xung đột, tranh chấp về nước tưới tiêu. Thứ hai, nhiều mảnh còn làm tăng chi phí lao động, nhiều mảnh ruộng nhỏ, người dân phải chuyển đi nhiều, lãng phí thời gian để di chuyển, vận chuyển vật tư, sản phẩm. Thứ ba, mảnh ruộng nhỏ, khiến cho người dân không muốn đầu tư vào cải tạo đồng ruộng, ảnh hưởng xấu tới chất lượng của sản phẩm. Nhiều mảnh gây khó khăn cho việc quy hoạch ruộng đồng, việc áp dụng thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp vào sản xuất để làm giảm sức lao động của người nông dân, ứng dụng những công nghệ sản xuất mới theo hướng hàng hóa.

Để giải quyết những khó khăn trên thì cần phải tập trung ruộng đất đối với mỗi hộ sản xuất, giảm số thửa và tăng quy mô mỗi thửa để tạo ra những diện tích sản xuất tập trung cùng loại sản phẩm ở từng địa phương, tập trung hướng tới sản xuất hàng hóa. Và dồn điền đổi thửa được coi là một giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề này.

Hiện nay, công tác dồn điền đổi thửa đang được nhiều địa phương trên cả nước hưởng ứng và thực hiện mạnh mẽ, trở thành phong trào lớn. Từ chỗ tự phát, nay công tác dồn điền đổi thửa đã trở thành chủ trương của nhiều địa phương nhằm khắc phục tình trạng manh mún đất đai, tạo tiền đề cho việc áp

dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

❖ Ở xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngô Văn Niên cho biết: Khi chưa dồn điền đổi thửa Thái Sơn có gần 455 ha diện tích đất nông nghiệp, ruộng đất manh mún, bình quân mỗi hộ 4,8 thửa, thậm chí nhiều gia đình canh tác tới 7 đến 8 thửa, bờ vùng bờ thửa thấp nhỏ. Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, địa phương xác định trước hết phải dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng tạo tiền đề để đưa cơ giới hóa vào sản xuất, để làm được khâu quyết định này, tổ công tác của xã phối hợp với 8 thôn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động về mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, lợi ích và các bước thực hiện dồn điền đổi thửa (*Nguyễn Hình, 2012*).

Phương án dồn điền đổi thửa của xã được xây dựng trên cơ sở điều tra chính xác diện tích đất quy hoạch giao thông thủy lợi, quy vùng diện tích đất 5% công ích, diện tích đất thực hiện dồn đổi, tính toán khối lượng làm giao thông thủy lợi, xác định hộ đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ đất theo các dự án đã thu hồi, hộ đã chuyển đổi đất nông nghiệp không thực hiện chuyển đổi... bảo đảm lợi ích hài hòa giữa cá nhân và tập thể. Thái Sơn cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp từ xã tới thôn để họp bàn phương án, lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên tinh thần công khai, dân chủ. Nơi nào có ý kiến, nảy sinh những khó khăn, vướng mắc, thành viên tổ công tác trực tiếp xuống họp với dân tuyên truyền, vận động, giải thích để tạo sự đồng thuận.

Trên cơ sở diện tích đất nông nghiệp thực hiện dồn đổi theo từng vùng sản xuất đã được quy hoạch, các thôn, các tổ hợp dân xác định cụ thể diện tích đất xa, xấu, đất cấy lúa kém hiệu quả để bình nhóm đất. Vận động, khuyến khích các hộ gia đình tự nhận ruộng xa, vùng chuyển đổi, người cùng dòng họ, bố con, anh em... nhận chung một thửa ruộng lớn, sau đó tổ chức bốc thăm cho những hộ còn lại. Giữa tháng 12/2011, Thái Sơn ra quân làm thủy

lợi, đào đắp bờ vùng bờ thửa, mỗi ngày có hàng ngàn người dân tham gia lao động trên khắp các xứ đồng. Không chỉ góp công, nhân dân tự nguyện đóng góp mỗi khẩu 25 m² đất để chỉnh trang ruộng đồng, cam kết tổ chức sản xuất theo vùng đã quy hoạch. Chỉ trong 48 ngày, xã hoàn thành đào đắp toàn bộ tuyến bờ thửa, một số tuyến bờ vùng với tổng khối lượng 125.000m³ và chia ruộng xong cho dân. Riêng nguồn kinh phí nhân dân đóng góp cho việc đào đắp giao thông thủy lợi gần 3,8 tỷ đồng. Kết quả sau dồn điền đổi thửa, số thửa ruộng của Thái Sơn giảm từ 9.185 thửa xuống còn 3.383 thửa, trong đó 375 hộ 1 thửa, 1.504 hộ 2 thửa, bình quân 1,8 thửa/hộ. Đất 5% của xã trước đây phân tán nhỏ lẻ ở nhiều nơi giờ được quy thành những vùng tập trung (Nguyễn Hình, 2012).

❖ Ở Hà Nội

Năm 2012: theo số liệu báo cáo của các huyện, thị xã, tổng diện tích đã thực hiện dồn điền đổi thửa trên địa bàn thành phố Hà Nội là 41,808 ha trên tổng số 157.793 ha, đạt 26,49% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

Trong đó, các huyện có diện tích dồn điền đổi thửa lớn như: huyện Phú Xuyên 6.737 ha, đạt 26,49% tổng diện tích; huyện Ứng Hòa 8.526 ha đạt 59,23%; huyện Đông Anh 5.389 ha đạt 53,89%; huyện Thanh Oai 3.784 ha đạt 51,63%; huyện Mỹ Đức 5.614 ha đạt 39%... từ những năm 1997 cho đến năm 2007, tỉnh Hà Tây trước đây đã đẩy mạnh công tác này, tuy nhiên, diện tích ở các xã chưa triệt để, tỷ lệ các hộ nhận 4 đến 5 thửa ruộng vẫn còn nhiều (Thanh Châu, 2012).

- Kinh nghiệm về công tác dồn điền đổi thửa ở Việt Nam

- Tổ chức nhiều cuộc họp từ xã tới thôn để họp bàn phương án, lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên tinh thần công khai, dân chủ. Nơi nào có ý kiến, nảy sinh những khó khăn, vướng mắc, thành viên tổ công tác trực tiếp xuống họp với dân tuyên truyền, vận động, giải thích để tạo sự đồng thuận.

- Vận động, khuyến khích các hộ gia đình tự nhận ruộng xa, vùng chuyển đổi, người cùng dòng họ, bố con, anh em... nhận chung một thửa ruộng lớn, sau đó tổ chức bốc thăm cho những hộ còn lại.

- Có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có nhận thức đúng đắn trước thực trạng, yêu cầu bức xúc phải thực hiện chuyển đổi đất nông nghiệp. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện tại các địa phương đã thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, trên tinh thần dân chủ bàn bạc, tự nguyện, bình đẳng, phù hợp với lợi ích chung.

2.2.3 Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dồn điền đổi thửa

- Năm 1959, Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đã quy định các hình thức sở hữu đối với đất đai như sở hữu tư nhân, sở hữu tập thể và sở hữu nhà nước.

- Năm 1976, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã ban hành các văn bản điều chỉnh các mối quan hệ đất đai cho phù hợp với tình hình mới, Nhà nước thực hiện kiểm tra, thông kê đất đai trong cả nước, Chính phủ ban hành quyết định số 196/QĐ – CP ngày 20/6/1977.

- Ngày 10/7/1980 Chính phủ ra quyết định số 201/QĐ-CP về việc thống nhất ruộng đất và công tác tăng cường quản lý ruộng đất trong cả nước.

- Ngày 05/11/1981, Tổng cục địa chính ban hành quyết định số 56/QĐ-ĐKTK quy định về đăng kí thống kê đất đai.

- Năm 1988, Luật đất đai ra đời quy định: Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho phép chuyển quyền sử dụng đất, thay đổi mục đích hợp pháp mà chưa đăng kí thì người sử dụng phải đăng kí ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

-Ngày 14/7/1989, Tổng cục quản lý ruộng đất ra quyết định số 201QĐ-ĐKTK về việc ban hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kèm theo thông tư số 302/TT-ĐKTK Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị tháng 11 năm 1999 về “Tích tụ ruộng đất, chuyển quyền sử dụng, tích tụ và tập trung ruộng đất là hiện tượng sẽ xảy ra trong quá trình phát triển nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa lớn. Việc tích tụ và tập trung ruộng đất phải được kiểm soát và quản lý của nhà nước”.

- Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991) xác định: Đất đai thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý và giao cho hộ nông dân về quyền sử dụng lâu dài.

Từ những chủ trương chính sách của Chính phủ, Nhà nước đã thể chế hóa bằng những văn bản pháp luật:

- Hiến pháp năm 1992 công bố: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật”

- Điều 1 của Luật đất đai năm 2003 quy định: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý”. Nhà nước giao đất cho các tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, chính trị, xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang, hộ gia đình và cá nhân thuê đất.

- Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành về việc: *“giao đất cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng lâu dài nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp, trong đó quy định rõ các nguyên tắc giao đất, đối tượng giao đất, thời hạn giao đất và định mức được giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”*.

Hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo chủ trương về dồn điền đổi thửa thì không phải nộp thuế thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, lệ phí địa chính.

- Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, để tiến hành xây dựng nông thôn mới, điều quan trọng là phải quy hoạch lại đồng ruộng theo hướng quy vùng sản

xuất hàng hoá, quy hoạch giao thông, thuỷ lợi nội đồng đáp ứng yêu cầu đưa cơ giới hoá và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, làm tăng năng suất lao động.

- Quyết định số 800/QĐ TTg ban hành ngày 4 tháng 6 năm 2010 đã phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và chương trình được cụ thể hóa bằng QĐ 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, theo bộ tiêu chí này các xã thực hiện thành công chương trình phải đạt đủ 19 tiêu chí trong đó dồn điền đổi thửa nằm trong tiêu chí Quy hoạch và thực hiện quy hoạch, đây là tiêu chí đầu tiên có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các tiêu chí còn lại.

- Thông tư số 07/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn về: *“Hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới”*. Thông tư đặt tiêu chí quy hoạch sản xuất nông nghiệp lên đầu và đưa ra các giải pháp về quy hoạch trong đó đề cao vai trò của dồn điền đổi thửa.

- Chương trình số 02-Ctr/TU của thành ủy Hà Nội về *“Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nhân dân”* cũng đề cao nội dung dồn điền đổi thửa nhằm tạo đà để tiến tới một nền nông nghiệp hàng hóa gắn với quy hoạch lại đồng ruộng.

Nói tóm lại, chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ về chuyển đổi ruộng đất thực hiện *“dồn điền đổi thửa”* trong nông nghiệp đã tạo hành lang pháp lý, thuận lợi cho việc tích tụ và tập trung đất đai. Tuy nhiên văn bản pháp luật ban hành còn chậm, chưa xứng với nhu cầu thực tiễn của việc phát triển nông nghiệp trong tình hình mới.

2.2.4 Bài học kinh nghiệm

Các quốc gia trên thế giới đã thực hiện thành công công tác dồn điền đổi thửa để hình thành những đồng ruộng và những trang trại lớn, giải quyết được tình trạng manh mún ruộng đất, đưa cơ giới hóa vào sản xuất có hiệu quả.

Từ bài học kinh nghiệm của các địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa cho ta thấy, sau nhiều năm chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP đến hộ nông dân, mặt bằng bị phá vỡ, không tạo thành vùng sản xuất có quy mô lớn, gây ra tình trạng manh mún ruộng đất cản trở trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp, cản trở việc hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Như vậy, cần khẳng định rằng dồn điền đổi thửa là yêu cầu khách quan nhằm khắc phục những hạn chế do tình trạng manh mún đất đai gây ra. Tuy nhiên, khi tiến hành chủ trương dồn điền đổi thửa phải linh hoạt theo từng vùng, theo đặc điểm của địa phương để đạt mục tiêu cuối cùng là giảm tối đa số thửa ruộng nhỏ hẹp, manh mún, gia tăng hiệu quả trên một đơn vị diện tích canh tác, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững. Bên cạnh đó, các địa phương, các ngành có liên quan cần chủ động lên kế hoạch, thực hiện các bước quản lý đất đai song song với dồn điền đổi thửa. Với những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế của xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cần nghiên cứu công tác dồn điền đổi thửa tại xã để tìm ra những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển hơn nữa kinh tế nông nghiệp của xã.

PHẦN III. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

3.1.1 Điều kiện tự nhiên

3.1.1.1 Vị trí địa lý

Xã Quỳnh Hồng là một xã đồng bằng có vị trí địa lý sát thị trấn Cầu Giát, trung tâm của huyện Quỳnh Lưu, nằm trên tuyến đường quốc lộ 1A và Quốc lộ 48B có giới hạn như sau:

Phía Tây-Bắc giáp thị trấn Cầu Giát và xã Quỳnh Mỹ. Phía Đông-Bắc giáp xã Quỳnh Hậu. Phía Đông-Nam giáp xã Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng. Phía Tây-Nam giáp xã Quỳnh Diện và thị trấn Cầu Giát.

Quỳnh Hồng có hệ thống giao thông thuận tiện đi các vùng miền khác.

3.1.1.2 Đặc điểm địa hình

- Xã Quỳnh Hồng nằm trong vùng các xã nông giang, chuyên sản xuất lúa của huyện Quỳnh Lưu, nhìn chung địa hình của xã tương đối bằng phẳng: địa hình nghiêng dần về phía nam, có sông Thái chảy qua.

- Địa chất tương đối ổn định cho phép xây dựng được nhà 2-3 tầng mà không phải gia cố nền đất lớn.

3.1.1.3 Đặc điểm khí hậu, thời tiết

Xã Quỳnh Hồng có khí hậu chịu ảnh hưởng chung của kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm phân làm 2 mùa rõ rệt. Đây là yếu tố tác động sâu sắc đến cơ cấu sản xuất và sinh hoạt dân cư.

+ Nhiệt độ:

- Nhiệt độ không khí bình quân hàng năm: 23⁰C-24⁰C
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng cao nhất (6): 29,2⁰C
- Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất (1): 17,1⁰C

+ Độ ẩm không khí:

- Độ ẩm không khí trung bình hàng năm: 86%.
- Độ ẩm không khí tháng lớn nhất (Tháng 4): 90%.
- Độ ẩm không khí tháng nhỏ nhất (Tháng 7): 70%.

+ Nắng:

- Số giờ nắng bình quân trong năm : 1.600 - 1700giờ.
- Tháng các ngày nắng cao nhất (tháng 7): (230 giờ/tháng)
- Tháng các ngày nắng thấp nhất (tháng 2): (62 giờ/tháng)

+ Mưa:

- Lượng mưa trung bình năm: 1750-1800^{mm}
- Lượng mưa trung bình tháng cao nhất (tháng 9): 450^{mm}
- Lượng mưa trung bình tháng thấp nhất (tháng 1): 19^{mm}

+ Gió: Hướng gió thịnh hành:

Mùa lạnh: Gió Bắc + Đông bắc (Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau)

Mùa nóng: Gió Nam + Đông nam + Tây nam (Từ tháng 4 đến tháng 10)

+ Bão: Hàng năm chịu ảnh hưởng của bão; cao nhất có bão cấp 12 nhưng không gây tác hại lớn.

Quỳnh Hồng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nói chung, chịu những đặc điểm riêng của vùng khí hậu Bắc khu 4 cũ. Khí hậu chia làm 2 mùa chuyển tiếp: Mùa mưa, nóng từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm. Mùa khô rét từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Tuy khí hậu tương đối khắc nghiệt nhưng nhìn chung khá phù hợp với việc phát triển sản xuất.

Như vậy, Quỳnh Hồng có khí hậu đặc trưng nóng ẩm mưa nhiều về mùa hè, lạnh khô hanh kéo dài về mùa Đông, thích hợp với nhiều loại cây trồng, tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp đa dạng. Tuy nhiên, sự biến động phức tạp của thời tiết như: Nắng nóng, bão, mưa lớn, sương giá... cũng gây ra những khó khăn nhất định cho sự phát triển kinh tế và sản xuất nông nghiệp.

3.1.1.4. Chế độ thủy văn

Phía đông của xã, giáp xã Quỳnh Diện có sông Thái chảy ra biển và kênh Bình Sơn là những sông tiêu chính của xã Quỳnh Hồng, cùng với hệ thống sông Đô Lương chảy trên địa bàn xã và hệ thống kênh mương tương đối dài nên việc cấp nước trong mùa khô hạn và tiêu úng trong mùa mưa lũ ở đây khá thuận lợi. Tuy nhiên, hiện nay do mạng lưới kênh mương nội bộ chưa được nạo vét nên hiệu suất tưới tiêu cũng giảm đáng kể.

3.1.1.5. Tài nguyên thiên nhiên

❖ Tài nguyên đất:

Đất đai là một dạng tài nguyên vật liệu của con người, giá trị tài nguyên đất được đo bằng số lượng diện tích các loại đất và độ phì của đất. Quỳnh Hồng là có tổng diện tích đất đai tự nhiên của xã là 496,05ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 329,17 ha chiếm 70,17%; nhóm đất phi nông nghiệp là 127,88 ha chiếm 27,27%; Đất chưa sử dụng là 12 ha chiếm 2,56%.

Nhìn chung, đất đai xã Quỳnh Hồng chủ yếu là bằng phẳng, nhóm đất đai này tương đối màu mỡ, độ chua thấp, thành phần cơ giới trung bình, độ phì nhiêu ổn định. Đây là ưu thế khiến cho đất đai ở đây khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lúa nước, cây ăn quả, rau màu và nuôi cá nước ngọt.

❖ Tài nguyên nước:

Tài nguyên nước của xã tương đối thuận lợi, nước tưới tiêu cho cây trồng hàng năm được cung cấp bởi hệ thống nông giang lấy từ Bara Đô Lương về.

Nguồn tài nguyên nước mặt tương đối thuận lợi và có trữ lượng lớn chủ yếu do nước từ sông Lam cung cấp. Ngoài ra, nước được tích trữ từ các ao hồ nhỏ phân bố rải rác trong và ngoài khu dân cư chủ yếu dùng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, phục vụ cho sinh hoạt và tưới tiêu của nhân dân.

❖ Cảnh quan môi trường:

Quỳnh Hồng là một xã thuộc vùng đồng bằng của huyện Quỳnh Lưu. Có địa hình tương đối đồng đều, các khu dân cư phân bố thành cụm, hài hoà đậm bản sắc, cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi,...), hình thái quần cư, kiến trúc nhà ở đến sinh hoạt cộng đồng dân cư, đang xen trong làng xóm có cây cối, hồ nước... mang đậm dấu ấn qua các thời kỳ lịch sử, cùng với các công trình văn hoá phúc lợi, nhà ở, đường làng, ngõ xóm được xây dựng và cải tạo mới khá nhiều, cùng với những phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống tạo cho Quỳnh Hồng những nét tiêu biểu riêng về mô hình nông thôn mới.

Hiện nay, môi trường sinh thái của xã Quỳnh Hồng về cơ bản vẫn đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường do không phải chịu áp lực của chất thải công nghiệp và đô thị. Tuy nhiên, hệ sinh thái đồng ruộng cũng có dấu hiệu của sự mất cân bằng sinh thái do việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật. Việc gia tăng dân số và áp lực sử dụng đất của các ngành phi nông nghiệp làm suy giảm đất sản xuất nông nghiệp cũng là một áp lực đối với môi trường sinh thái. Vì vậy cần thiết áp dụng các biện pháp thủy lợi và canh tác hợp lý nhằm hạn chế nguy cơ đất đai bị ô nhiễm, đảm bảo an toàn cho môi trường đất và nước.

Nhận xét chung:

Xã Quỳnh Hồng có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất, đất đai đa dạng, màu mỡ, ít chịu ảnh hưởng của thiên nhiên như lũ lụt, ngập úng, nguồn nước tạm ổn định nên tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị.

3.1.1.6. Nguồn nhân lực

Xã Quỳnh Hồng là một xã đông dân và có một bộ phận khá lớn lao động nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp khoảng 329,17 ha. Trong những năm gần đây thì vấn đề đào tạo dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nông nghiệp là công việc quan trọng, cần thiết đối với địa phương.

Xã Quỳnh Hồng có 8.532 nhân khẩu với 1.831 hộ gia đình, chia làm 9 xóm. Đây là mức trung bình so với các xã trong huyện. Dân cư được sống gần đô thị nên trình độ dân trí ở mức cao, đội ngũ cán bộ năng động nhiệt tình.

3.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội

3.1.2.1 Dân số lao động

Tính đến năm 2014 toàn xã toàn xã có 8.532 người, trong đó có 1.831 hộ, bình quân 4,66 người/hộ, có 4 điểm dân cư tương ứng 9 thôn:

- Điểm dân cư số 1 là khu dân cư các thôn 1,2,3,4 nằm về phía Bắc của sông N17. Dân cư sống tập trung, mật độ trung bình khoảng 7.600 người/km²

- Điểm dân cư số 2: gồm các xóm 5,6 nằm phía Nam sông N17 và phía Bắc đường Tỉnh lộ 48B . Dân cư sống tập trung, mật độ cao khoảng 11.100 người/km²

- Điểm dân cư số 3: thuộc khu dân cư xóm 7, nằm phía Nam đường tỉnh lộ 48B. Dân cư sống tập trung, mật độ cao khoảng 11.450 người/km².

- Điểm dân cư số 4: thuộc khu dân cư xóm 8, xóm 9 nằm chạy dài theo dọc sông Thái và đường liên xã. Dân cư sống tập trung, mật độ tương đối cao khoảng 9.390 người/km².

- Ngoài ra còn có một số điểm dân cư nhỏ lẻ nằm tập trung ở ven đường quốc lộ 1A ở các xóm có mật độ cao.

Nhìn vào bảng số liệu có thể thấy tình hình phát triển dân số đang có xu hướng tăng. Cụ thể năm 2012 tổng dân số là 8.206 người, đến năm 2013 dân số tăng lên 8.358 người tăng 1,85% so với năm 2012, năm 2014 tổng dân số tăng lên đến 8.532 người tăng 2,08% so với năm 2013. Bình quân tốc độ phát triển dân số là 1,96% có tăng nhưng tăng không đáng kể.

Lao động toàn xã: năm 2014 toàn xã có 5.245 lao động trong tổng số dân số của toàn xã. Trong đó tỷ lệ lao động nhóm ngành nông nghiệp cao nhất là 3.115 người chiếm 59,39% trong cơ cấu lao động, tốc độ phát triển bình quân so với năm 2012 giảm 0,71%; tỷ lệ lao động trong nhóm ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng là 1.488 người chiếm 28,37% trong cơ cấu lao động, tốc độ phát triển bình quân so với năm 2012 tăng 4,39%; thấp nhất là lao động trong nhóm ngành dịch vụ - thương mại là 642 người chiếm 12,24% trong cơ cấu lao động, tốc độ phát triển bình quân so với 2 năm trước tăng lên 3,43%. Qua đó thấy được sự gia tăng dân số kéo theo đó là tỷ lệ lao động trong nhóm ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng và nhóm ngành dịch vụ - thương mại tăng lên, trong đó tăng vượt trội là nhóm ngành CN - TTCN – XD, riêng nhóm ngành nông nghiệp tỷ lệ lao động giảm xuống. Điều này cho thấy xã Quỳnh Hồng đang chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tổng số hộ của cả xã tăng từ 1.778 hộ (năm 2012) lên 1.831 hộ (năm 2014), như vậy bình quân 3 năm tăng lên 1,48%. Tỷ lệ lao động bình quân/hộ tăng từ 2,83 lao động (năm 2012) lên 2,86 lao động (năm 2014), tốc độ phát triển bình quân trong 3 năm là 0,70%.

Bảng 3.1. Tình hình dân số và lao động của xã giai đoạn 2012 - 2014

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tốc độ phát triển		
			SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)	2013/ 2012	2014/ 2013	BQ
I	Tổng dân số	Người	8.206	100	8.358	100	8.532	100	101,85	102,08	101,96
1.1	Số hộ gia đình	Hộ	1.778	100	1.809	100	1.831	100	101,74	101,22	101,48
II	Lao động	Người	5.024	100	5.129	100	5.245	100	102,09	102,26	102,17
2.1	Nông nghiệp		3.159	62,88	3.137	61,16	3.115	59,39	99,30	99,29	99,29
2.2	CN-TTCN-XD		1.366	27,19	1.429	27,86	1.488	28,37	104,61	104,17	104,39
2.3	Dịch vụ, thương mại		499	9,93	563	10,98	642	12,24	112,83	114,03	113,43
III	Một số chỉ tiêu bình quân										
3.1	Bình quân khẩu/hộ	Khẩu	4,62		4,62		4,66		100,00	100,87	100,43
3.2	Bình quân lao động/hộ	Lao động	2,83		2,84		2,87		100,35	101,06	100,70

Nguồn: Ban thống kê xã Quỳnh Hồng, 2015

3.1.2.2 Tình hình phát triển kinh tế

Ngành nông nghiệp: năm 2012 ngành nông nghiệp đạt 43,446 tỷ đồng chiếm tỷ trọng là 23,488% tổng cơ cấu giá trị sản xuất toàn xã. Kinh tế nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi. Giá trị sản xuất năm 2012 là 43,446 tỷ đồng (chiếm 24,728%), năm 2014 giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng lên 48,109 tỷ đồng (chiếm 23,488%), tốc độ phát triển bình quân trong 3 năm là 5,230%.

Ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng: năm 2012 đạt 33,040 tỷ đồng (chiếm 18,805% trong tổng cơ cấu giá trị sản xuất toàn xã), năm 2014 giá trị sản xuất lên tới 35,535 tỷ đồng (chiếm 17,349% tổng cơ cấu giá trị sản xuất toàn xã), tốc độ phát triển bình quân của ngành trong 3 năm tăng lên 3,707%.

Ngành thương mại – dịch vụ: Năm 2012 đạt 110,013 tỷ đồng (chiếm 58,103% trong tổng cơ cấu giá trị sản xuất toàn xã), năm 2014 lên tới 121,182 tỷ đồng (chiếm 59,163% trong tổng cơ cấu giá trị sản xuất toàn xã), tốc độ phát triển bình quân của ngành trong 3 năm tăng lên 10,521%.

Nhìn chung, giá trị sản xuất của các ngành đều tăng lên, nhưng những con số này đều có thể biến động theo thời gian. Vì vậy, cần định hướng cụ thể để phát triển kinh tế một cách toàn diện trong những năm tới.

Nền kinh tế của xã hiện nay vẫn chủ yếu là nền sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại và tiểu thủ công nghiệp, là những ngành sản xuất mang lại thu nhập cao cho người dân. Đây là ngành rất quan trọng trong thời kỳ nền kinh tế thị trường mở cửa, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, do vậy trong những năm tới xã cần mở rộng và phát triển dịch vụ - thương mại, để không những thu hút được số lao động dư thừa mà còn mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao mức thu nhập cho người dân.

Bảng 3.2 Tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã giai đoạn 2012 - 2014

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		Tốc độ phát triển		
	GTSX (triệu đồng)	CC (%)	GTSX (triệu đồng)	CC (%)	GTSX (triệu đồng)	CC (%)	2013/2012	2014/2013	BQ
Giá trị sản xuất	175.694	100	189.341	100	204.826	100	107,767	108,178	107,973
1. Sản xuất nông nghiệp	43.446	24,728	44.495	23,499	48.109	23,488	102,414	108,122	105,230
2. CN - TTCN - XD	33.040	18,805	34.833	18,397	35.535	17,349	105,427	102,015	103,707
3. Thương mại - Dịch vụ	99.208	56,466	110.013	58,103	121.182	59,163	110,891	110,152	110,521

Nguồn: Ban thống kê xã Quỳnh Hồng, 2015

3.1.2.3 Tình hình cơ sở hạ tầng của xã Quỳnh Hồng

a. Giao thông:

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, các cấp chính quyền xã đã huy động nhân dân đóng góp xây dựng mới và nâng cấp một số tuyến liên xóm, xã. Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2011 thì toàn xã có 45,89 ha đất giao thông. Xã có các tuyến giao thông chính sau:

❖ *Giao thông đối ngoại:*

Hiện trạng xã Quỳnh Hồng có trục đường Quốc lộ 1A chạy qua, kết cấu là đường nhựa, với mặt cắt quy hoạch là 46m, chiều dài chạy qua địa bàn 1.400m, đây là tuyến đường huyết mạch về giao thông của cả nước. Đồng thời, có đường tỉnh lộ 48B chạy qua dài 800m và là tuyến đường phát triển kinh tế nội miền Tây Bắc Nghệ An với các xã ven biển.

❖ *Giao thông đối nội*

+ *Trục đường xã, liên xã*

Trục đường xã : Tuyến đường xã nội từ đường liên hương từ xã Quỳnh Hậu chạy dọc theo chiều dài của địa bàn xã Quỳnh Hồng và đường từ Quỳnh Hưng qua xã đi chợ Giát. Đường đã được đổ nhựa nhưng đã bị xuống cấp nghiêm trọng, có chiều rộng 4,5-11 m (tùy theo từng vị trí).

Tổng chiều dài đường giao thông liên xã là 5.700 m và các đường giao thông liên xóm là 7.100 m.

+ *Trục đường nội xóm:*

Trong khu vực dân cư chủ yếu là các tuyến đường bê tông do nhân dân tự đóng góp xây dựng với tổng chiều dài 18,6 km. Có mặt đường rộng 1,5-2,5m, lề đường mỗi bên 0,5 m. Đã được cứng hóa 100%.

+ *Đường nội đồng.*

Các tuyến đường nội đồng hiện tại có chiều rộng nền đường khoảng 3.5-5 m, dài 27,8 km, đã cứng hóa được 5,6 km (20,1%). Còn lại chưa được cứng

hoá 22,2 km (79,9%), chủ yếu là đường đất, lầy lội trong mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn cho việc vận chuyển vật tư nông nghiệp và sản phẩm trồng trọt của nông dân.

Nhìn chung hệ thống giao thông của xã rất thuận lợi cho việc đi lại giao lưu với các vùng trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, thực trạng hệ thống đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng của xã còn chật hẹp, xuống cấp chưa được kiên cố hoá theo tiêu chuẩn của ngành giao thông. Hiện tại chỉ đáp ứng được nhu cầu giao thông của các phương tiện thô sơ và người đi bộ. Các đường giao nhau ngã ba ngã tư hay xảy ra tai nạn giao thông, đặc biệt là nơi giao nhau với đường Quốc lộ. Hệ thống đường giao thông nội đồng ngoài những đường kết hợp với giao thông thôn xóm còn lại chủ yếu là đường đất, lầy lội trong mùa mưa, gây nhiều khó khăn cho việc vận chuyển vật tư nông nghiệp và sản phẩm trồng trọt của nông dân.

Vì vậy trong thời gian tới để đạt tiêu chí nông thôn mới cần phải có lộ trình đầu tư xây dựng và nâng cấp hầu hết các tuyến đường.

b. Công trình thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Quỳnh Hồng tương đối thuận tiện cho tưới tiêu nước sản xuất nông nghiệp.

Sông nông giang thuộc hệ thống sông Đô Lương chảy qua địa phận Quỳnh Hồng bởi sông N14 và N17 với lưu lượng nước hàng năm rất lớn tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn thông qua hệ thống mương nhỏ dẫn nước tưới cùng với hệ thống kênh Bình Sơn và sông Thái tiêu nước cho các cánh đồng.

Xã có khoảng 36 tuyến kênh mương làm nhiệm vụ tưới và tiêu với tổng chiều dài 30,8 km, trong đó đã bê tông hoá là 18,7 km, đạt 60,7% về tỷ lệ kiên cố kênh mương.

❖ *Trạm bơm*

Hiện tại toàn xã có 01 trạm bơm cung cấp nước tưới tiêu cho các cánh đồng của các xóm thuộc khu vực phía bắc khoảng 80 ha được đặt tại xóm 5 trên diện tích 10m², với công suất 500m³/h. Nguồn điện cung cấp cho trạm bơm là điện lưới Quốc gia.

Hiện tại trạm bơm đang hoạt động tốt, phục vụ có hiệu quả cho công tác tưới tiêu trên các cánh đồng thuộc khu vực phía Tây Bắc của xã.

Nhìn chung, hệ thống các tuyến kênh mương và trạm bơm của xã đã đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Trong thời gian tới để nâng cao hơn nữa hiệu suất hoạt động của hệ thống thủy lợi và phân đầu xây dựng xã đạt được tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, yêu cầu phải cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thoát nước sinh hoạt ở khu dân cư, kiên cố hóa các tuyến kênh mương tiêu thoát nước còn lại.

c. Chợ

Hiện tại trên địa bàn xã chưa có chợ nên việc mua bán không được thuận tiện. Người dân thường mua bán ở chợ chính của thị trấn Cầu Giát giáp với xã Quỳnh Hồng.

3.1.3 Tình hình phân bổ và sử dụng đất nông nghiệp của xã Quỳnh Hồng

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2014, xã Quỳnh Hồng có tổng diện tích đất tự nhiên là 469,05 ha với 8.532 nhân khẩu. Bình quân diện tích đất tự nhiên trên đầu người là 0,06 ha.

Đại đa số đất được sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp, trong đó: Diện tích đất được sử dụng cho mục đích nông nghiệp là: 329,17 ha chiếm 70,17% so với diện tích đất tự nhiên, diện tích đất phi nông nghiệp 93,13 ha chiếm 19,86% quỹ đất, diện tích đất chưa đưa vào sử dụng chiếm tỷ lệ ít với 12,00 ha chiếm 2,56% tổng quỹ đất, diện tích đất khu dân cư nông thôn là 34,75 ha chiếm 7,41% so với diện tích đất tự nhiên.

Bảng 3.3 Biến động sử dụng đất xã Quỳnh Hồng

Loại đất	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	2013/2012	2014/2012	BQ
Tổng diện tích đất tự nhiên	469,05	100	469,05	100	469,05	100	100	100	100
I, Đất nông nghiệp	327,18	69,75	324,32	69,14	322,17	68,69	99,13	98,47	98,799
1. Đất SXNN	306,02	93,53	303,16	93,48	301,01	93,43	99,07	98,36	98,71
2. Đất NTTS	21,16	6,47	21,16	6,52	21,16	6,57	100	100	100
II, Đất phi nông nghiệp	129,87	27,69	132,73	28,3	134,88	28,75	102,20	103,86	103,03
1. Đất ở	36,74	28,29	38,08	28,69	38,99	28,91	103,65	106,12	104,88
2. Đất chuyên dùng	84,37	64,96	85,89	64,71	87,13	64,6	101,80	103,27	102,53
3. Đất tôn giáo	0,94	0,72	0,94	0,71	0,94	0,69	100	100	100
4. Đất nghĩa trang	3,80	2,93	3,80	2,86	3,80	2,82	100	100	100
5. Đất sông suối và mặt nước	4,02	3,1	4,02	3,03	4,02	2,98	100	100	100
III, Đất chưa sử dụng	12,00	2,56	12,00	2,56	12,00	2,56	100	100	100

Nguồn: Văn phòng địa chính xã Quỳnh Hồng, 2015

Qua số liệu trên, ta thấy 3 năm liền từ năm 2012 đến năm 2014 trong tổng diện tích đất tự nhiên thì diện tích đất nông nghiệp là chủ yếu.

Năm 2012 đất nông nghiệp là 327,18 ha chiếm 69,75% so với tổng diện tích đất tự nhiên. Năm 2013 đất nông nghiệp là 324,32 ha chiếm 69,14% so với tổng diện tích đất tự nhiên. Năm 2014 đất nông nghiệp là 322,17 ha chiếm 68,69% so với tổng diện tích đất tự nhiên do đó kết luận rằng nông nghiệp là ngành sản xuất chủ yếu đóng vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất của nhân dân trong xã.

Đất nông nghiệp bao gồm đất sản xuất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là chủ yếu chiếm 93,43% (năm 2014) diện tích đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ lệ diện tích đất khá nhỏ là 6,57% (năm 2014) so với diện tích đất nông nghiệp.

Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ ít hơn so với đất nông nghiệp. Năm 2012 đất phi nông nghiệp là 129,87 ha chiếm 27,69%. Năm 2013 đất phi nông nghiệp là 132,73 ha chiếm 28,3%. Năm 2014 đất phi nông nghiệp là 134,88 ha 28,75%.

Đất phi nông nghiệp bao gồm đất ở, đất chuyên dùng, đất tôn giáo, đất nghĩa trang, đất sông suối và mặt nước. Từ năm 2012 đến năm 2014 thì đất chuyên dùng là chủ yếu chiếm 64,6% (năm 2014) so với diện tích đất phi nông nghiệp, đất tôn giáo là 0,94 ha chiếm tỷ lệ nhỏ nhất (0,69% năm 2014) so với diện tích đất phi nông nghiệp.

Đất chưa sử dụng qua 3 năm vẫn giữ nguyên là 12 ha. Quỹ đất chưa sử dụng còn nhiều (12,0 ha), đây là điều kiện để xã đưa vào khai thác nhằm chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, các công trình hạ tầng và sản xuất.

Nhìn chung diện tích đất nông nghiệp xã Quỳnh Hồng có xu hướng giảm và đất phi nông nghiệp có xu hướng tăng nhằm chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế của xã theo hướng CNH – HĐH.

Tuy thời gian gần đây, xã Quỳnh Hồng đã có những chuyển biến tích cực thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ, nhưng nơi đây vẫn là một xã nông nghiệp với ngành sản xuất lúa gạo chiếm tỷ trọng lớn, và là nguồn thu nhập chủ yếu của nhiều hộ dân. Vì vậy, hệ thống sản xuất nông nghiệp của xã là rất quan trọng, cần được chú trọng đầu tư nâng cấp, đưa CNH-HĐH vào sản xuất nông nghiệp.

Kinh tế Quỳnh Hồng xoá bỏ được tình trạng bao cấp, nông nghiệp thuần túy và tự cung tự cấp. Nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu kinh tế hình thành rõ nét 3 khu vực kinh tế là: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – xây dựng, dịch vụ – thương mại. Khu vực kinh tế nông nghiệp sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, phù hợp với cơ cấu kinh tế chung và đặc điểm của xã.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

3.2.1 Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Đề tài tiến hành chọn điểm nghiên cứu là ba thôn (Hồng Tiến, Hồng Phú, Hồng Long). Tại đây là những thôn chiếm nhiều diện tích đất nông nghiệp và chuyên trồng lúa hơn so với những thôn khác, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ công tác dồn điền đổi thửa tại xã, công tác dồn điền đổi thửa được áp dụng nhiều và mang lại kết quả cao cho các hộ nông dân.

3.2 Phương pháp thu thập số liệu

3.2.1 Thu thập số liệu thứ cấp

- Số liệu thứ cấp của đề tài được thu thập trên sách báo, tạp chí, Internet... các tài liệu có liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn, nguồn thông tin về công tác dồn điền đổi thửa, các báo cáo của xã, ngoài ra còn các bài khóa luận của những khóa trước cũng như các tài liệu sẵn có phục vụ cho nghiên cứu.

- Thu thập dựa trên những tài liệu, số liệu sẵn có gồm: các văn bản hướng dẫn của tỉnh, huyện về công tác dồn điền đổi thửa tại địa phương.

3.2.2 Thu thập số liệu sơ cấp

❖ Chọn mẫu điều tra

- *Đối với hộ nông dân*: Chọn ngẫu nhiên 60 hộ của 3 thôn Hồng Tiến (xóm 3), Hồng Phú (xóm 4) và Hồng Long (xóm 5) làm nông nghiệp để điều tra. Chọn hộ theo ba tiêu chí: Quy mô lớn ($>1500m^2$), quy mô vừa ($800 - 1500m^2$), quy mô nhỏ ($<800m^2$).

- *Đối với cán bộ*: lựa chọn cán bộ xã có ảnh hưởng lớn đến công tác đồn điền đổi thửa như: Chủ tịch UBND xã (phó ban), Chủ nhiệm hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (phó ban), 4 trưởng thôn. (chọn 7 người/xã).

Nội dung điều tra:

- *Điều tra hộ nông dân*: điều tra về nhân khẩu, tình trạng lao động của hộ gia đình; số thửa, diện tích bình quân/thửa, tổng diện tích của hộ được nhận; nhận thức, mức độ tiếp cận thông tin của hộ đối với các chủ trương, chính sách đồn điền đổi thửa; ý kiến đánh giá, khó khăn, vướng mắc và mức độ đồng tình của người dân về công tác đồn điền đổi thửa; nguyện vọng của người dân về chính sách đồn điền đổi thửa của Nhà nước.

- *Điều tra cán bộ*: điều tra về các bước tiến hành, nguồn kinh phí thực hiện chuyển đổi ruộng đất trên địa bàn xã; mức độ tham gia của các tổ chức chính trị, cơ quan đoàn thể trong việc chuyển đổi, phương pháp và mức độ tuyên truyền, vận động người dân tham gia; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Tiến hành phỏng vấn các hộ nông dân trong xã. Đối tượng phỏng vấn có cả nam và nữ với những đặc trưng khác nhau về độ tuổi và trình độ...

- Chuẩn bị bộ câu hỏi cho từng đối tượng: cán bộ và hộ nông dân. Sử dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở.

- Phỏng vấn trực tiếp, tới tận các hộ điều tra để trả lời các câu hỏi điều tra tại bộ câu hỏi đã chuẩn bị sẵn.

- Tổng hợp ý kiến phỏng vấn để lựa chọn các vấn đề chính của đồn điền đổi thửa, từ đó đưa ra kết luận cho từng vấn đề.

3.2.3 Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

- Từ những tài liệu thu thập được, tôi tiến hành tổng hợp, phân nhóm, chọn lọc thông tin theo nội dung cần nghiên cứu.

- Căn cứ vào kết quả điều tra tại xã, tôi tiến hành xử lý số liệu bằng cách tổng hợp tất cả các số liệu điều tra của công tác dồn điền đổi thửa, sau đó xử lý trên chương trình Excel.

+ Đối với các thông tin định tính: Phân loại, tổng hợp, so sánh.

+ Đối với thông tin định lượng: Xử lý bằng phần mềm Excel.

3.2.4 Phương pháp phân tích số liệu

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Trong đề tài này, tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tình hình sản xuất nông nghiệp tại xã Quỳnh Hồng trước và trong quá trình dồn điền đổi thửa thông qua các chỉ tiêu như: chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, tốc độ phát triển... để mô tả những hiện tượng, những vấn đề liên quan đến đề tài.

- *Phương pháp phân tích so sánh*: so sánh thực trạng dồn điền đổi thửa ở địa phương với quy trình dồn điền đổi thửa đã được quy định trong các văn bản.

- *Cây vấn đề*: phân tích các khó khăn gặp phải trong quá trình dồn điền đổi thửa.

3.2.5 Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

❖ *Nhóm chỉ tiêu phản ánh thực trạng sử dụng ruộng đất trước và sau dồn điền đổi thửa*:

- Diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định của toàn xã, từng thôn.

- Diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định bình quân/hộ.

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định của từng thôn so với diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định cho toàn xã.

- Số thửa ruộng của toàn xã, của từng thôn, của từng hộ, số thửa bình quân/hộ, diện tích đất nông nghiệp được ổn định bình quân/thửa.

- Tỷ lệ hộ có 1 thửa, 2 thửa, 3 thửa, 4 thửa. và từ 5 thửa trở lên.

- Sự thay đổi về diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định bình quân của hộ trước và sau dồn điền đổi thửa.

- Sự thay đổi về số thửa bình quân của hộ trước và sau khi dồn điền đổi thửa.

- Sự thay đổi về diện tích đất nông nghiệp được giao ổn định bình quân của mỗi thửa trước và sau dồn điền đổi thửa.

❖ *Chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa*

- Tỷ lệ người dân tham gia.

- Tỷ lệ đánh giá của người dân về công tác dồn điền đổi thửa.

- Tỷ lệ hộ đồng tình/không đồng tình với chủ trương dồn điền đổi thửa

PHẦN IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng quá trình công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng

4.1.1 Căn cứ pháp lý để thực hiện công tác dồn điền đổi thửa

Để thực hiện nhất quán chủ trương chính sách của Đảng, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt công việc tại địa bàn. UBND xã Quỳnh Hồng đã căn cứ vào các văn bản chỉ đạo từ cấp trên để làm cơ sở, bên cạnh đó ra các văn bản mới để phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Dưới đây là một số văn bản mà địa phương áp dụng.

- Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng lâu dài nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp, trong đó quy định rõ các nguyên tắc giao đất, đối tượng giao đất, thời hạn giao đất và định mức được giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Quyết định số 3875/QĐ.UBND-NN ngày 31/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phê duyệt kế hoạch Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010-2020.

- Công văn số 1750/2010/CV-SXD.QHKT ngày 22/10/2010 của Sở Xây dựng Nghệ An về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 4025/2011/QĐ-UBND ngày 04/10/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu về việc ban hành quy trình thẩm định đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Luật đất đai ban hành ngày 26/11/2003 và sửa đổi bổ sung năm 2009.

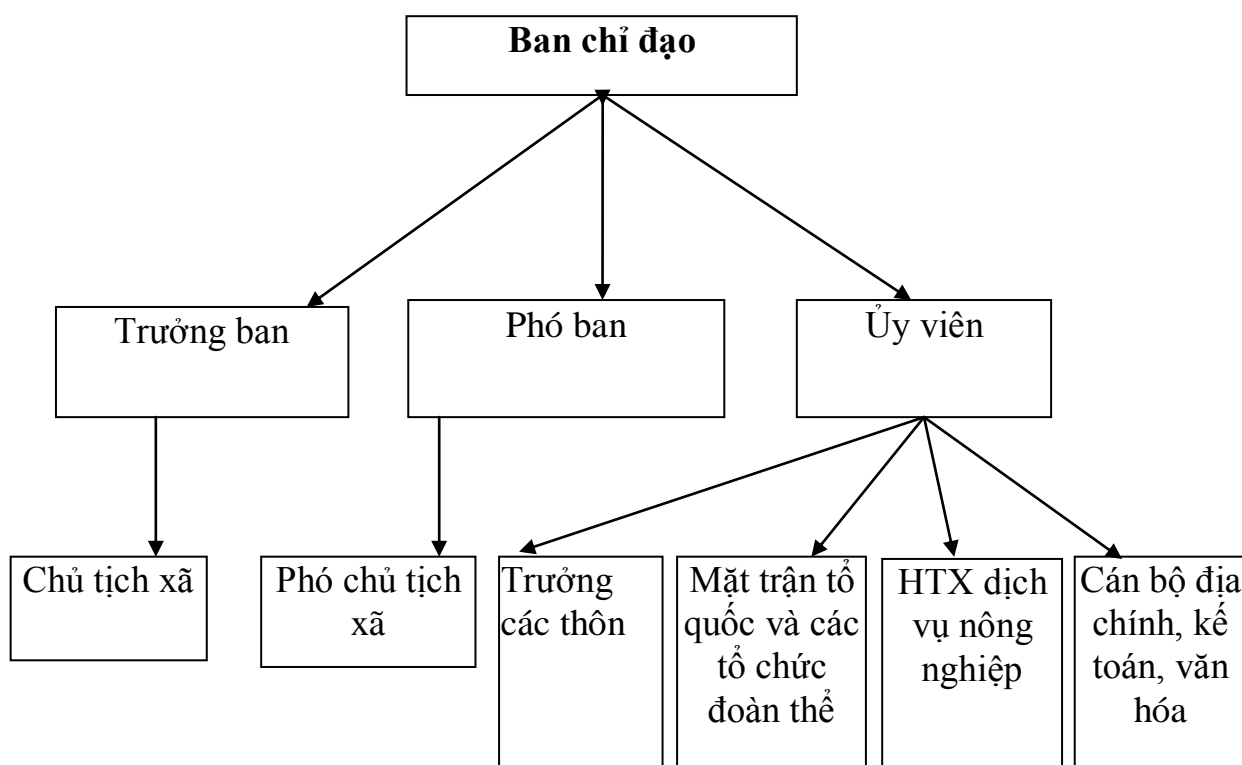
- Quyết định số 2928/QĐ-UBND.ĐC ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện cuộc vận động nông dân dồn điền, đổi thửa theo chỉ thị số- CT/TU ngày 08/5/2012 của BTV tỉnh ủy.

- Chỉ thị số 02- CT/ĐU ngày 12/3/2013 của Ban thường vụ Đảng ủy về tăng cường chỉ đạo vận động nông dân “dồn điền đổi thửa” và khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 08- CT/TU ngày 08/5/2012 của BTV Tỉnh ủy.

4.1.2 Tình hình triển khai các hoạt động dồn điền đổi thửa

4.1.2.1. Thành lập ban chỉ đạo thực hiện dồn điền đổi thửa

❖ Ban chỉ đạo cấp xã



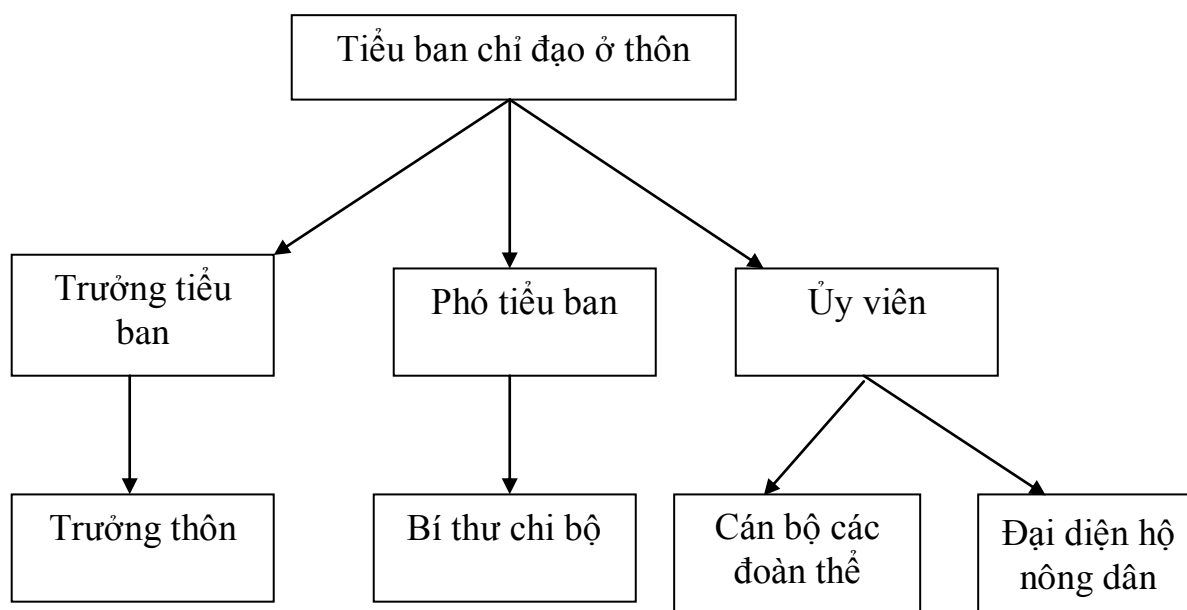
Sơ đồ 4.1 Thành phần ban chỉ đạo công tác dồn điền đổi thửa cấp xã

- Nhiệm vụ của BCD xã:

+ BCD tập trung thực hiện các bước theo kế hoạch và phối hợp tổ chức tuyên truyền cho cán bộ Đảng viên và nhân dân hiểu được mục đích, ý nghĩa, nội dung phương pháp tiến hành trong quá trình thực hiện.

+ Bám sát cơ sở thôn để chỉ đạo, nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về đồng chí trưởng ban để phối hợp tìm cách giải quyết tháo gỡ vướng mắc.

❖ *Tổ công tác tại các thôn điều tra*



Sơ đồ 4.2 Thành phần tiểu ban chỉ đạo DĐĐT tại các thôn

- Nhiệm vụ của BCD thôn:

+ Thực hiện điều tra thống kê diện tích, hiện trạng sử dụng đất của từng hộ gia đình thuộc địa bàn thôn theo sự chỉ đạo của BCD xã.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án DĐĐT của thôn, hướng dẫn đơn đốc các hộ thực hiện DĐĐT theo phương án đã được duyệt.

+ Tổ chức đo đạc đất ngoài thực địa tới từng hộ, giải quyết các vướng mắc phát sinh ở thôn.

+ Đề xuất, kiến nghị, báo cáo tiến độ thực hiện với BCD cấp xã.

4.1.2.2. Công tác tuyên truyền vận động

a. Tổ chức thực hiện

❖ Tại UBND xã

Đầu tiên là tổ chức các cuộc họp trong thường vụ Đảng ủy, họp đảng ủy, UBND xã sau đó tổ chức họp toàn đảng bộ, các ban ngành trong xã, các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng, các cán bộ thôn.

Tổ chức các buổi họp và hội nghị phổ biến chỉ thị của tỉnh ủy, kế hoạch thực hiện của ủy ban nhân dân tỉnh, chỉ thị của huyện ủy và kế hoạch triển khai của xã.

Quán triệt chủ trương của cấp trên về chuyển đổi ruộng đất nhằm khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất. Công bố danh sách và kế hoạch của BCD xã, tiểu ban chỉ đạo các thôn và nhóm chuyên môn.

❖ *Tại các thôn thực hiện chuyển đổi ruộng đất:*

Tiểu ban tuyên truyền đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể, phổ biến cuộc vận động đồn điền đổi thửa bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã, thôn, kẻ vẽ pa nô áp phích, treo băng rôn và khẩu hiệu ở các điểm dân cư và trên một số xú đồng để mỗi người dân biết và tích cực hưởng ứng việc đồn điền đổi thửa và khuyến khích tích tụ ruộng đất.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo từ phía UBND xã, tiểu ban các thôn đã tổ chức các buổi họp bàn nhằm bàn các biện pháp triển khai thực hiện công tác ĐĐ ĐT. Tổ chức các cuộc họp của nông dân bao gồm các chủ hộ hoặc người được chủ hộ ủy quyền đi họp.

Đây là công việc tương đối khó khăn vì sau nhiều năm, sản xuất đã đi vào ổn định, nhiều thửa ruộng đã được nông dân cải tạo trở nên màu mỡ. Mặt khác, một số bộ phận quần chúng còn nghi ngờ chủ trương chia ruộng đất do đó nhiều cuộc họp ban đầu số lượng quần chúng tham gia ít, có người không tán thành đồn điền đổi thửa do đó công tác tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng là hết sức quan trọng.

Nội dung tuyên truyền: phổ biến rõ về kế hoạch thực hiện của xã, làm rõ lợi ích lâu dài, lợi ích trực tiếp, trước mắt với nông dân về việc chuyển đổi ruộng đất, khắc phục tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất. Khắc phục tư tưởng thiệt hơn, ngại khó, và ý lại của một bộ phận người dân.

Hoạt động tuyên truyền tại các thôn điều tra được tiến hành theo các bước giống nhau. Cụ thể được thể hiện qua bảng dưới đây

Bảng 4.1 Một số hoạt động tuyên truyền tại các thôn điều tra

Thôn	Hoạt động tuyên truyền
Hồng Tiến,	- Họp thôn để phổ biến, tuyên truyền, vận động người dân tham gia DĐĐT.
Hồng Phú,	
Hồng Long	<ul style="list-style-type: none">- Họp tổ công tác triển khai các hoạt động cụ thể và trách nhiệm của từng thành viên với 5 buổi họp.- Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh với 15 lượt phát thanh.- Treo băng rôn, khẩu hiệu tại nhà văn hóa, các trục đường thôn và các điểm làm giao thông thủy lợi ngoài các xứ đồng.- Đối với những gia đình không đi họp hoặc đã đi họp nhưng còn thắc mắc và chưa tham gia DĐĐT thì tổ chức thành các nhóm vận động đến từng gia đình để truyền truyền và vận động người dân tham gia thực hiện.<ul style="list-style-type: none">- Phổ biến rõ các văn bản và tài liệu để người dân hiểu rõ hơn về việc thực hiện dồn điền đổi thửa.- Phát các văn bản, tài liệu cho người dân đến dự họp đọc và hiểu thêm về hoạt động DĐĐT.

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

b. Kết quả tuyên truyền

Hoạt động dồn điền đổi thửa tại ba thôn được tiến hành theo các bước giống nhau, tuy nhiên khi đưa vào thực hiện thì kết quả lại có sự khác nhau. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền của 3 thôn điều tra được tổng hợp qua bảng dưới đây.

Bảng 4.2 Kết quả công tác tuyên truyền của 3 thôn năm 2014

Hoạt động	Đơn vị	Thôn Hồng Tiến	Thôn Hồng Phú	Thôn Hồng Long
Số buổi tập huấn cho BCD, tổ công tác	Buổi	5	7	5
Số lượt tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh	Lượt	15	18	20
Số buổi họp dân	Buổi	16	15	12

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Qua bảng trên, ta thấy hoạt động tuyên truyền tại 3 thôn điều tra về việc tổ chức các cuộc họp dân, họp tổ công tác và tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh có sự khác nhau. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng về số lượng người tham gia và kết quả thực hiện công tác đồn điền đổi thửa.

4.1.2.3. Rà soát, thống kê ruộng đất

a. Tổ chức triển khai

Khảo sát, bổ sung, quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng

Việc khảo sát, quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng nhằm phát hiện ra những nơi giao thông thủy lợi chưa được thuận lợi trong việc sản xuất nông nghiệp, để từ đó tránh bị thiếu sót và quy hoạch chưa tốt trong việc đào đắp.

Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch đất nông nghiệp bao gồm quy hoạch vùng trồng lúa, vùng chuyên màu và vùng nuôi trồng thủy sản.

Quy hoạch đất phi nông nghiệp bao gồm quy hoạch đất ở khu dân cư và đất chuyên dùng.

Mục đích của việc rà soát lại quy hoạch sử dụng đất đã được xây dựng khi thực hiện nghị định 64/CP nhằm phát hiện những mâu thuẫn, vướng mắc của quy hoạch, trọng tâm là đất nông nghiệp, xây dựng, các công trình văn hóa thể thao của xã, của thôn. Nếu thiếu phải bổ sung cho đủ. Loại bỏ các nhân khẩu chia không đúng đối tượng khi thực hiện nghị định 64/CP.

Giao đất và khối lượng làm giao thông thủy lợi cho các thôn

Quy hoạch vùng đất công ích

Chuyên đổi ruộng đất, thực hiện ĐDDT phải gắn liền với quy hoạch lại đồng ruộng, định vùng lại các loại đất trong đó có nhóm đất công ích, trong quá trình thực hiện cần căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất dài hạn, hàng năm, xác định địa điểm, diện tích đất cần cho xây dựng các công trình công cộng của xã để quy hoạch vùng đất công ích trong xã và chi tiết tới từng thôn cụ thể đối với đất công ích.

Cân đối diện tích từng nhóm đất với diện tích đất dồn đổi của từng hộ

Tiểu ban chuyển đổi ghép nhóm hộ, xâu thăm giao ruộng trên bản đồ và ngoài thực địa cho hộ gia đình

Căn cứ vào nguyên tắc, quy hoạch, diện tích và tỷ lệ các hạng đất được giao, tiểu ban chuyển đổi ruộng đất xây dựng kế hoạch chuyển đổi. Bảo đảm yêu cầu dân chủ, công khai, công bằng, diện tích chuyển đổi các hộ gia đình thuận canh, thuận cư, thuận lợi và tiết kiệm được chi phí sản xuất, một hộ gia đình chỉ từ 1 – 3 thửa. Xây dựng kế hoạch cần tập trung các nội dung và quy trình như sau:

1. Tổng hợp, công khai số hộ, số nhân khẩu, suất Liệt sỹ được nhận đất vòng 1 trên địa bàn thôn.

2. Tổng hợp các hộ gia đình không đưa vào diện chuyển đổi (hộ đã chuyển đổi đất tập trung có diện tích lớn, đào ao thả cá, chăn nuôi chuồng trại).

3. Ghép nhóm hộ, tổ chức quy hoạch cho các nhóm hộ bắt thăm nhận đất trên bản đồ và ngoài thực địa.

4. Các gia đình trong nhóm hộ bắt thăm nhận ruộng để tổ chức sản xuất. Việc bốc thăm, ghép ruộng phải có sự thảo luận, bàn bạc thống nhất của các gia đình trong nhóm.

5. Để đảm bảo tương đối công bằng, các thôn và các nhóm hộ nên quy đổi hạng đất.

Kế hoạch chuyển đổi phải thông qua Chi bộ và nhân dân thảo luận, bàn bạc cho ý kiến thống nhất, trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Hoàn chỉnh kế hoạch trình UBND xã phê duyệt mới được triển khai thực hiện.

b. Tổ chức thực hiện

Dưới sự chỉ đạo của BCD xã và cán bộ chuyên môn địa chính thì các bước rà soát, thống kê ruộng đất tại các tiểu ban thực hiện dồn điền đổi thửa là giống nhau và được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương làm tiền đề để chia ruộng đất ngoài thực địa.

Hoạt động rà soát, thống kê ruộng đất là cơ hội để UBND xã nắm rõ hiện trạng đất nông nghiệp của các hộ gia đình, làm cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình sau chuyển đổi ruộng đất.

Theo kế hoạch thì tổ công tác các thôn hợp và tiến hành hoạt động rà soát này dựa trên sổ sách thống kê của địa chính xã, đối chiếu với diện tích có trên giấy chứng nhận sử dụng đất của từng hộ và kết quả đo đạc ngoài thực địa nhằm thống nhất về dữ liệu địa chính nhằm phục vụ tốt cho việc chuyển đổi.

Hoạt động rà soát, thống kê ruộng đất tại ba thôn điều tra đều thực hiện theo đúng quy trình. Điều đó được thể hiện qua bảng dưới đây.

Bảng 4.3 Hoạt động rà soát thống kê ruộng đất tại các thôn điều tra

Thôn	Hoạt động rà soát, thống kê ruộng đất
Hồng Phú, Hồng Tiến, Hồng Long	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ công tác thôn thống kê lại diện tích các hộ gia đình, công khai số hộ, số nhân khẩu theo nghị định 64 CP. - Tổ chức các buổi họp tổ công tác để rà soát, đối chiếu diện tích đất nông nghiệp của từng hộ gia đình. - Thống kê lại diện tích, nhân khẩu đang trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp trong thôn. - Tổ trưởng tổ công tác trực tiếp ra thực địa giám sát và khoanh vùng để tổ công tác đo đạc tính toán diện tích và quy hoạch đồng ruộng để giao đất và khối lượng giao thông thủy lợi cho các hộ trên bản đồ và ngoài thực địa và đối chiếu với diện tích có trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng hộ để thống nhất diện tích. - Cân đối diện tích đất của từng hộ. - Ghép nhóm hộ, tổ chức quy hoạch cho các nhóm hộ bắt thăm nhận đất trên bản đồ và ngoài thực địa. - Xây dựng bản đồ gắn với quy hoạch ruộng đất, đất dân cư, đất công ích và đất giao thông thủy lợi nội đồng đảm bảo yêu cầu dân chủ, công khai, công bằng, diện tích chuyển đổi các hộ gia đình thuận canh, thuận cư, thuận lợi.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

c. Một số kết quả đạt được

Hoạt động rà soát thống kê ruộng đất là một khâu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện công tác dồn điền đổi thửa ở các địa phương, là cơ sở cho việc chia đất ngoài thực địa. Tổ công tác các thôn dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn của cán bộ địa chính đã tiến hành các công việc và vào sổ sách thống kê cho các hộ gia đình, cá nhân.

Hoạt động rà soát thống kê ruộng đất tại các tiểu ban dồn điền đổi thửa tại các thôn được thể hiện qua một số chỉ tiêu trong bảng dưới đây.

Bảng 4.4 Tổng hợp thống kê ruộng đất trước DDĐT

Thôn	Hồng Tiến	Hồng Phú	Hồng Long
Chỉ tiêu			
Tổng diện tích đất đai trước DDĐT (ha)	21,68	24,23	17,89
Tổng số hộ(hộ)	138	155	123
Tên các xứ đồng	Đồng Lau trên Đồng Lau dưới Lùm Dừa trên Lùm Dừa dưới Canh Nông Đội Mộ Mò Lúc bắc Đồng Ngo Đồng Kén	Đồng Phần Dài Xôi Gà Tế Điền Rào Trong Rào Ngoài Mục Bài Cồn Dưa Mò Nậy Đội Mộ Mò Lúc Nam Hộc Mô	Cồn Mọi Đường Ngang Cồn Vung Cồn Điển Cồn Bồng Cồn Cui Đội Ngộ Nhà Lợn Cồn Dưa

Nguồn: Tổng hợp thống kê địa chính xã Quỳnh Hồng, 2015

4.1.2.4. Xây dựng phương án

a. Tổ chức triển khai

UBND xã quản lý toàn bộ diện tích đất của các thôn về một mối, các hộ thuộc diện quy hoạch giao thông, thủy lợi nội đồng, quy hoạch các vùng thâm canh, các vùng sản xuất, rà soát lại toàn bộ diện tích để cân đối lại các hạng đất chia cho các thôn trên cơ sở thuận canh, thuận cư để đảm bảo công bằng, công khai. Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa chỉ đạo các tiểu ban thực hiện những bước như sau:

Tiến hành rà soát lại toàn bộ số hộ, số nhân khẩu được giao đất theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thông báo công khai và niêm yết tại UBND xã và nhà văn hóa ở các thôn.

Tiến hành khảo sát, bổ sung, quy hoạch hệ thống mương giao thông thủy lợi nội đồng trên toàn bộ các xứ đồng của thôn bên cạnh đó dự kiến số lượng kinh phí xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nội đồng và

xây lắp cầu cống phục vụ cho việc sản xuất để báo cáo BCD xã, BCD xã trình UBND Huyện quyết định phê duyệt lượng kinh phí hỗ trợ, phần còn lại được phân bổ theo diện tích đất được giao cho các hộ gia đình, cá nhân đất sản xuất nông nghiệp, các thôn chuyển đổi không có quỹ đất công ích thì phải dự kiến thống nhất tỷ lệ % đất nông nghiệp trích ra từ các hộ gia đình cá nhân để xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống tưới tiêu và giao thông nội đồng.

Tổ chức hội nghị họp dân để đảm bảo yêu cầu dân chủ, công khai, công bằng cho toàn thể nhân dân trong thôn về kết quả điều tra phân tích thống kê tổng hợp, phân loại theo từng vùng xứ đồng, khảo sát quy hoạch hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng, dự toán kinh phí để xây mới, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng, công bố kinh phí được hỗ trợ, phần kinh phí phải đóng góp từ nhân dân, để lấy ý kiến thống nhất chung của toàn dân, chốt văn bản họp dân, báo cáo cụ thể các nội dung đã thực hiện về BCD xã để làm căn cứ xây dựng phương án chuyển đổi cho từng thôn, đồng thời xây dựng chế độ chính sách chung cho việc chuyển đổi ruộng đất của xã.

Xây dựng phương án cần tập trung các nội dung và quy trình như sau:

Dự kiến tổng hợp, công khai số hộ, số nhân khẩu, suất Liệt sỹ được nhận vùng đất ưu tiên trên địa bàn thôn. Tổng hợp các hộ gia đình không đưa vào diện chuyển đổi (hộ đã chuyển đổi đất tập trung có diện tích lớn, đào ao thả cá, chăn nuôi chuồng trại).

Làm tốt công tác tư tưởng để nhân dân thấy được sự cần thiết phải chuyển đổi ruộng đất trên tinh thần tự nguyện, tăng cường tình làng nghĩa xóm trong nông thôn.

Chuyển đổi ruộng đất phải gắn với quy hoạch sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để đi vào thâm canh, chuyên canh, tạo ra sản phẩm hàng hóa, tăng giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích.

Chuyển đổi ruộng đất gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và tuân thủ các tiêu chí của quy hoạch, hệ thống thủy lợi phải đảm bảo chủ động tưới tiêu.

Phương án chuyển đổi nên đưa ra hệ số bù trừ diện tích các vị trí xa, gần, chất lượng tốt, xấu để các hộ dân bàn bạc lựa chọn.

b. Tổ chức thực hiện

Sau khi tiến hành xong các khâu về thống kê ruộng đất, cân đối ruộng đất, làm lại sổ sách, BCD xã tiến hành chỉ đạo các tiểu ban họp bàn và thống nhất xây dựng đề án về chuyển đổi ruộng đất, đề án được UBND xã xây dựng dựa trên những kinh nghiệm của các địa phương đã thực hiện thành công ĐDDT và xem xét điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của xã Quỳnh Hồng, đề án được thông qua tiểu ban ĐDDT tại các thôn sau đó đưa ra lấy ý kiến của người dân.

Bảng 4.5 Một số hoạt động xây dựng đề án ĐĐĐT tại các thôn điều tra

Thôn	Xây dựng phương án ĐĐĐT
Hồng Tiến, Hồng Phú,	- Tổ chức họp tổ công tác và BCD xã về thống nhất phương án chia ruộng.
Hồng Long	- Họp dân để báo cáo kết quả điều tra phân tích thống kê tổng hợp, phân loại đất đai theo từng vùng, từng xứ đồng. - Tiến hành lập hồ sơ đến từng thửa ruộng. - Dự kiến vùng ưu tiên cho các hộ gia đình chính sách, già cả neo đơn. - Khoanh vùng, quy hoạch lại vùng đất xấu ruộng sâu sục khó canh tác, tiến hành đấu thầu cho người dân nhận khu vực này trước. - Khuyến khích anh em trong gia đình chung nhóm hộ để nhận vào 1 thửa. - Tổ chức họp dân thông qua việc tiến hành ghép nhóm hộ, bốc thăm ghép ruộng và tổ chức bốc thăm. - Quá trình bốc thăm được diễn ra một cách công khai, có sự chứng kiến của nhân dân trong hội nghị, có sự kiểm tra, giám sát của BCD xã.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

Qua bảng trên, nhìn chung hoạt động xây dựng đề án DĐĐT tại các thôn điều tra là như nhau, được thực hiện qua các bước giống nhau từ khâu họp tổ công tác và BCD đề thống nhất phương án đến khâu tổ chức họp dân để tiến hành bốc thăm ghép ruộng nhằm đưa đến những ý kiến thống nhất để xây dựng phương án DĐĐT.

4.1.2.5. Tổ chức giao ruộng ngoài thực địa

Giao ruộng ngoài thực địa là bước cuối cùng trong công tác chuyển đổi đất. Dưới đây là một số hoạt động giao đất ngoài thực địa.

Bảng 4.6 Một số hoạt động giao đất ngoài thực địa tại 3 thôn điều tra

Thôn	Hoạt động giao đất ngoài thực địa
Hồng Tiến, Hồng Phú, Hồng Long	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức họp dân để ghép nhóm hộ, tổ chức quy hoạch cho các nhóm hộ bốc thăm nhận đất ngoài thực địa. - Tiểu ban chỉ đạo của thôn thông báo từng khu vực bốc sau đó cho bốc thăm hộ có 1 thửa trước. - Khi tổ chức bốc thăm xong, công bố trước hội nghị, thông báo danh sách thứ tự từng hộ, từng vùng mà cá nhân, hộ gia đình bốc thăm được, đồng thời yêu cầu các hộ ký và ghi rõ họ tên vào tờ bốc thăm và sổ theo dõi của thôn. - Tổ chức chia ruộng ngoài thực địa. - Tổ chức chia ruộng theo kết quả đã bốc thăm thực hiện giao đúng, giao đủ, đảm bảo dân chủ, khách quan. - Hoàn thiện hồ sơ đến từng thửa đất của các hộ đã nhận ruộng, lập báo cáo tổng kết. - Tiểu ban chuyển đổi của thôn đánh lại số thứ tự, số thửa theo quy định, lập hồ sơ địa chính đề nghị UBND Huyện cấp đổi GCNQSD đất mới sau khi thu hồi GCNQSD đất cũ.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

Ở 3 thôn điều tra thì hoạt động giao đất ngoài thực địa tiến hành theo các bước giống nhau, tuy nhiên tại thôn Hồng Tiến việc giao đất ngoài thực địa tiến hành mất nhiều thời gian hơn so với thôn Hồng Phú và Hồng Long do gặp một số ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của người dân về vấn đề diện tích thửa của họ sau khi nhận đất ngoài thực địa gây ảnh hưởng tới tiến độ của việc giao đất ngoài thực địa.

4.1.3 Kết quả dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng

Sau khi thực hiện công tác DĐĐT thì kết quả đạt được được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.7 Kết quả chuyển đổi ruộng đất năm 2014 tại xã Quỳnh Hồng

TT	Chỉ tiêu		Thôn	Thôn	Thôn
			Hồng Tiến	Hồng Phú	Hồng Long
1	Tổng số hộ	Trước DĐĐT	138	155	123
		Sau DĐĐT	135	161	130
2	Tổng số khẩu	Trước DĐĐT	584	662	495
		Sau DĐĐT	579	671	502
3	Tổng diện tích (Ha)	Trước DĐĐT	21,68	24,23	17,89
		Sau DĐĐT	21,54	24,07	17,75
4	Tổng số thửa	Trước DĐĐT	419	451	352
		Sau DĐĐT	316	327	207
5	Bình quân Thửa/hộ	Trước DĐĐT	2,6	2,78	2,2
		Sau DĐĐT	1,6	1,86	1,5
6	Bình quân Diện tích/thửa	Trước DĐĐT	517,42	537,25	508,24
		Sau DĐĐT	681,65	736,1	857,5
7	Hộ có từ 1-2 thửa	Trước DĐĐT	35	41	33
		Sau DĐĐT	72	85	66
8	Hộ có >2 thửa	Trước DĐĐT	103	114	90
		Sau DĐĐT	63	76	64

Nguồn: Báo cáo sơ kết công tác DĐĐT của UBND xã Quỳnh Hồng, 2015

Nhìn chung kết quả chuyển đổi ruộng đất của 3 thôn không có sự chênh lệch nhiều, cụ thể:

Tại thôn Hồng Tiến: Với tổng số hộ tham gia nhận ruộng là 135 hộ thì số hộ có từ 1 đến 2 thửa là 72 hộ, đạt tỷ lệ 53,33%, có 63 hộ nhận từ 3 thửa ruộng trở lên chiếm tỷ lệ 46,67%. Số hộ nhận từ 3 thửa ruộng này là do trong quá trình chia thửa có sự nhảy bờ, nhảy thửa. Số thửa bình quân/hộ trước DĐĐT là 2,6 thửa/hộ sau DĐĐT số thửa mỗi hộ đã giảm xuống còn 1,6 thửa/hộ. Diện tích bình quân/ thửa của mỗi hộ trước DĐĐT là 517,42m²/thửa sau DĐĐT diện tích bình quân mỗi thửa được tăng lên là 681,65m²/thửa.

Tại Thôn Hồng Phú: Tổng số hộ tham gia nhận ruộng là 161 hộ trong đó số hộ được giao từ 1-2 thửa ruộng là 85 hộ chiếm tỷ lệ 52,80% có 76 hộ nhận từ 3 thửa ruộng trở lên đạt tỷ lệ 47,20%. Bình quân số thửa/hộ trước DĐĐT là 2,78 thửa/hộ sau DĐĐT bình quân số thửa/hộ giảm xuống chỉ còn 1,86 thửa/hộ. Diện tích bình quân/ thửa của mỗi hộ trước DĐĐT là 537,25m²/thửa sau DĐĐT diện tích bình quân mỗi thửa được tăng lên là 736,10m²/thửa.

Tại Thôn Hồng Long: Tổng số hộ tham gia nhận ruộng là 130 hộ trong đó số hộ được giao từ 1-2 thửa ruộng là 66 hộ chiếm tỷ lệ 50,77% có 64 hộ nhận từ 3 thửa ruộng trở lên đạt tỷ lệ 49,23%. Bình quân số thửa/hộ trước DĐĐT là 2,2 thửa/hộ sau DĐĐT bình quân số thửa/hộ giảm xuống chỉ còn 1,5 thửa/hộ. Diện tích bình quân/ thửa của mỗi hộ trước DĐĐT là 508,24m²/thửa sau DĐĐT diện tích bình quân mỗi thửa được tăng lên đáng kể, cao hơn so với hai thôn (thôn Hồng Tiến, thôn Hồng Phú) là 857,50m²/thửa.

Kết quả trên cho thấy công tác dồn điền đổi thửa ở thôn Hồng Tiến đạt tỷ lệ tổng số hộ có từ 1 đến 2 thửa cao hơn so với 2 thôn Hồng Phú và Hồng Long. Tuy nhiên chưa có sự vượt trội trong công tác dồn điền đổi thửa tại 3 thôn điều tra.

4.2 Đánh giá tình hình thực hiện công tác dồn điền đổi thửa tại các hộ điều tra

4.2.1 Thông tin chung

Bảng 4.8 Thông tin cơ bản về các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số		Phân hộ theo quy mô ruộng đất					
				1 thửa		2 thửa		>2 thửa	
		SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)
1. Tổng số hộ	Hộ	60	100	17		21		22	
2. Tuổi BQ chủ hộ	Tuổi			52,32		46,67		51,55	
3. Trình độ chủ hộ									
Cấp I	Người	12	20,00	1	5,88	4	19,05	7	31,81
Cấp II	Người	35	58,33	12	70,59	11	52,38	12	54,55
Cấp III	Người	13	21,67	4	23,53	6	28,57	3	13,64
4. Phân loại nhóm hộ									
Khá	Hộ	7	11,67	2	11,76	2	9,53	3	13,64
Trung bình	Hộ	45	75,00	13	76,47	17	80,95	15	68,18
Nghèo	Hộ	8	13,33	2	17,65	2	9,53	4	18,18
5. Giới tính									
Nam	Người	31	51,67	10	58,82	10	47,62	13	59,09
Nữ	Người	29	48,33	7	41,18	11	52,38	9	40,91

Nguồn: Tổng hợp điều tra hộ nông dân, 2015

Trong số 60 hộ điều tra tại 3 thôn, tuổi bình quân của các chủ hộ là khá cao, trong đó độ tuổi bình quân cao nhất là các hộ có 1 thửa/hộ. Trình độ học vấn của các chủ hộ chủ yếu là cấp II với 35 người chiếm 58,33 % và tập trung đều ở các hộ có 1 thửa/hộ, 2 thửa/hộ và >2 thửa/hộ. Các hộ trên 2 thửa/hộ có trình độ chủ hộ ở mức cấp I là 31,81% cao hơn các hộ có 1 thửa (5,88%) và hộ có 2 thửa (19,05%).

Qua điều tra thì có đến 45/60 hộ có kinh tế trung bình (chiếm 75%). Có 7/60 hộ có kinh tế khá (chiếm 11,67%) và 8/60 hộ có kinh tế nghèo (chiếm 13,33%).

Số lượng nam và nữ chênh lệch nhau không đáng kể, nam chiếm 51,67% và nữ chiếm 48,33%.

Diện tích và số thửa sau chuyển đổi theo quy mô có sự chênh lệch. Được thể hiện cụ thể qua bảng sau.

Bảng 4.9 So sánh diện tích và số thửa sau chuyển đổi ruộng đất tại 60 hộ điều tra

`1	Chỉ tiêu	ĐVT	Quy mô lớn			Quy mô vừa			Quy mô nhỏ			Tổng 3 thôn		
			Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh (+,-)	Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh (+,-)	Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh (+,-)	Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh (+,-)
1	Tổng số hộ	Hộ	25	25	0	20	20	0	15	15	0	60	60	0
2	Bình quân thửa/hộ	Thửa	5,40	2,96	-2,44	3,15	1,90	-1,25	2,13	1,07	-1,06	3,56	1,98	-1,58
3	Bình quân DT/ thửa	m ²	484,15	706,58	222,43	366,63	607,84	241,21	241,41	482,81	241,6	364,06	599,08	235,02
4	Thửa có DT lớn nhất	m ²	1063	1776	713	762	1055	293	532	784	252	1063	1776	713
5	Thửa có diện tích bé nhất	m ²	350	400	50	240	346	106	120	202	82	120	202	82

Nguồn: Số liệu điều tra, 2015

4.2.2 Kết quả đồn điền đổi thửa tại các hộ

Qua điều tra phỏng vấn cho thấy người dân đồng tình cao về công tác chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp. Trong số 60 người dân được phỏng vấn thì có tới 86,67% người dân đồng tình với chủ trương này, 5% người được hỏi không đồng tình và 8,33% người được hỏi không đưa ra ý kiến. Một số ít hộ không đồng tình vì một số hộ phải hiến đất để làm giao thông thủy lợi nội đồng, mâu thuẫn với các thành viên trong tổ công tác, đa phần là do sai lệch trong diện tích đất khi thực hiện thống kê ruộng đất và khi chuyển đổi ruộng đất xong phần diện tích đất dư thừa của họ lại bị UBND xã thu hồi vào diện tích đất công ích, một số hộ do có diện tích đất nông nghiệp quá ít cảm thấy không cần thiết cho việc chuyển đổi.

Một bộ phận 8,33% người được hỏi đưa ra quan điểm trung lập về ĐDDT là do họ không muốn chuyển đổi lại ruộng đất trong khi diện tích đất mà họ đang canh tác có điều kiện thuận lợi, màu mỡ, gần nhà. Họ e ngại rằng sau chuyển đổi họ sẽ nhận phải ruộng xấu và xa nhà hơn.

Qua điều tra thấy rằng tại các thôn tỷ lệ người được hỏi có nhu cầu chuyển đổi ruộng đất cao trên 90%, đa phần đều muốn thay đổi để có điều kiện thuận lợi hơn trong canh tác. Tuy nhiên nhu cầu ĐDDT của người dân lại rất đa dạng, không chỉ đơn thuần là việc có một mảnh ruộng lớn mà nhiều hộ nông dân còn có nhu cầu thông qua ĐDDT để có được những mảnh đất phù hợp với mục đích sản xuất của mình, ví dụ như: nuôi cá, trồng cây ăn quả, các loại cây màu, quy hoạch thành trang trại... còn đối với một số nhóm hộ có điều kiện kinh tế thấp hơn hoặc các hộ gia đình có ít nhân khẩu thì mong muốn có được mảnh ruộng gần để tiện chăm sóc.

Qua bảng trên cũng cho thấy các hộ nghèo do được chế độ ưu tiên trong việc bốc thăm nên tỷ lệ đồng tình với chủ trương là khá cao, cụ thể trong 8 hộ nghèo được hỏi thì có tới 6 hộ đồng tình với chủ trương này chiếm tỷ lệ 75%.

Số hộ trung bình thì có ý kiến đồng tình nhiều nhất, cụ thể trong 45 hộ được điều tra thì có 41 hộ đồng tình chiếm tỷ lệ 91,11%.

Nhóm hộ khá với 2 ý kiến trung lập chiếm tỷ lệ 28,57% trong tổng số 7 người được hỏi đa phần do diện tích đất nông nghiệp ít và hiện nay đang sản xuất một cách ổn định nên việc chuyển đổi hay không là điều không cần thiết.

4.2.3 Đánh giá công tác dồn điền đổi thửa

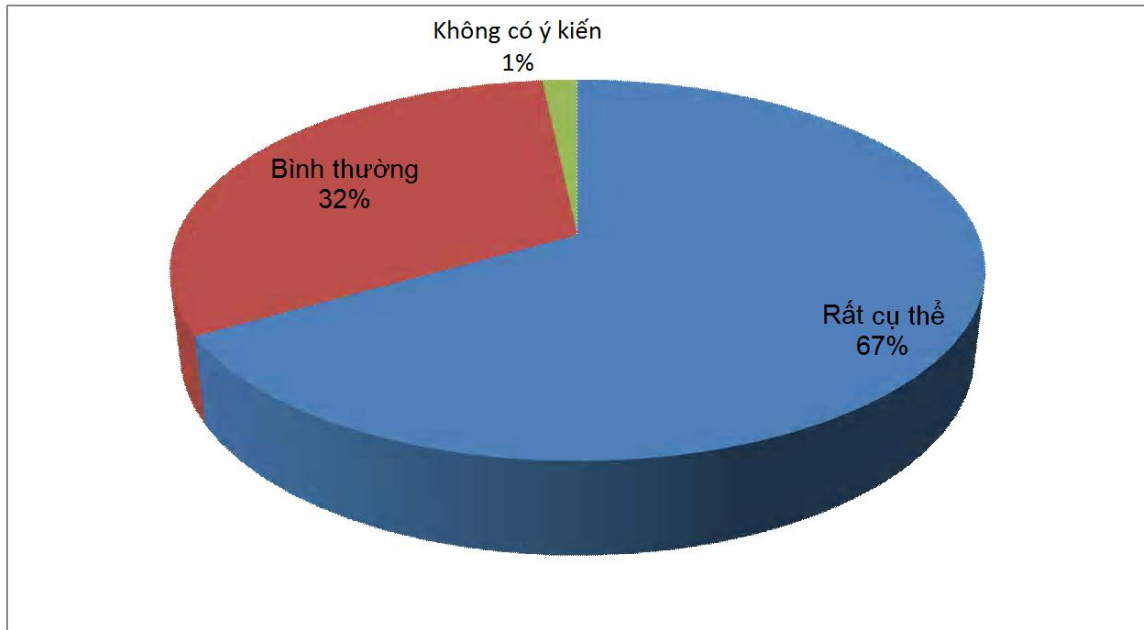
4.2.3.1 Đánh giá kế hoạch dồn điền đổi thửa

Theo 60 hộ điều tra cho biết, họ được biết các bước làm của công tác DĐĐT thông qua các buổi họp được mọi người trong ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa của thôn hướng dẫn và giải thích cụ thể, rõ ràng. Có 40/60 hộ cho rằng các bước làm này rất cụ thể, chiếm gần 67% trong tổng số 60 người được phỏng vấn. Còn 19/60 hộ cho rằng các bước thực hiện phương án dồn điền đổi thửa này đều bình thường không quá rườm rà và cũng không quá đơn giản, chiếm 32% trong tổng số 60 người được phỏng vấn. Trong 60 hộ được phỏng vấn, có 1 hộ không tham gia đầy đủ các cuộc họp về phổ biến các bước thực hiện dồn điền đổi thửa nên không có ý kiến gì về các bước làm này, chiếm 1% tổng số người được phỏng vấn.

Bảng 4.10 Đánh giá các bước thực hiện công tác DĐĐT của xã Quỳnh Hồng

Hộ	Số ý kiến đánh giá	Mức độ đánh giá		
		Rất cụ thể	Bình thường	Không có ý kiến
Quy mô lớn	25	15	10	0
Quy mô vừa	20	18	1	1
Quy mô nhỏ	15	7	8	0
Tổng	60	40	19	1

Nguồn: Tổng hợp số liệu kết quả điều tra, 2015



Biểu đồ 4.1. Đánh giá của hộ về các bước thực hiện công tác DDĐT

4.2.3.2 Đánh giá tiến độ dồn điền đổi thửa

➤ *Hệ thống giao thông, thủy lợi chưa được cải thiện hoàn toàn*

Việc dồn điền đổi thửa đã giúp cho chính quyền xã quy hoạch và điều chỉnh lại hệ thống mương máng và giao thông nội đồng trong quy hoạch sử dụng đất giành cho giao thông- thủy lợi được quy hoạch theo hướng mở rộng tức là tăng diện tích cho xây dựng mương máng và đường giao thông nội đồng, ngoài ra một số tuyến giao thông nội đồng chính, và kênh mương được nạo vét khi tiến hành DDĐT. Tuy nhiên theo điều tra đánh giá qua quá trình nghiên cứu thì thấy rằng về cơ bản hệ thống cơ sở hạ tầng ở các thôn thực hiện dồn điền đổi thửa chưa được hoàn thiện, trong đó đặc biệt là hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng, do nguồn kinh phí chưa được hỗ trợ đầy đủ nên 2 yếu tố này về phần cơ bản vẫn chưa được tốt, do vậy trong quá trình triển khai còn bị chậm tiến độ nên cho tới thời điểm hiện tại vẫn chưa hoàn thiện hết các hạng mục thi công.

Lý do cơ bản của tình trạng này là vấn đề kinh phí vì nếu làm đầy đủ các hạng mục giao thông thủy lợi nội đồng thì kinh phí có thể lên tới hàng tỷ đồng trong khi chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí từ cấp trên, phần kinh phí địa phương đối ứng thì không có, người dân thì chỉ có thể đóng góp bằng sức lao động.

➤ *Kết quả DĐĐT đôi lúc còn chưa thỏa mãn hết nhu cầu của nông hộ*

Kết quả điều tra cho thấy rằng tỷ lệ nông hộ được hỏi có nhu cầu DĐĐT luôn cao. Tuy nhiên nhu cầu DĐĐT của các hộ nông dân lại không giống nhau, rất đa dạng, không chỉ đơn giản là nhu cầu tăng quy mô mảnh ruộng lên mà nhiều hộ nông dân còn có nhu cầu thông qua DĐĐT để có thể nhận được những mảnh đất phù hợp với mục đích sản xuất của mình, ví dụ như: nuôi cá, trồng cây ăn quả, hộ nghèo thì muốn có nhiều đất và cao trồng màu và cây lúa... lại có hộ thích ruộng gần để tiện chăm sóc, trông coi. Do vậy kết quả DĐĐT đôi lúc, đôi chỗ còn chưa được phù hợp với mong muốn của một bộ phận nông hộ.

- Công tác quản lý chỉ đạo đào đắp giao thông thủy lợi của một số thôn chưa sâu sát, trách nhiệm chưa cao, chất lượng đào đắp và bồi trúc một số tuyến đường chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng và khó khăn cho nhân dân, tốn kém chi phí bồi trúc, cải tạo của nhân dân. Một số thôn công tác thực hiện đào đắp và tổ chức nghiệm thu còn chậm chưa đảm bảo tiến độ. Công tác báo cáo tình hình, kết quả chuyển đổi ruộng đất của một số thôn còn chậm.

4.2.3.3 Lợi ích của việc dồn điền đổi thửa mang lại cho sản xuất nông nghiệp

Muốn xem xét lợi ích của việc dồn điền đổi thửa mang lại cho sản xuất nông nghiệp ra sao thì trước hết cần phải đánh giá xem mức độ phù hợp của chủ trương này so với tình hình sản xuất nông nghiệp của địa phương như thế nào.

Bảng 4.11 Đánh giá mức độ phù hợp của chủ trương dồn điền đổi thửa của xã so với tình hình sản xuất nông nghiệp của địa phương

Hộ	Số ý kiến đánh giá	Mức độ đánh giá			
		Rất phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp	Không có ý kiến
Quy mô lớn	25	10	14	0	1
Quy mô vừa	20	10	9	0	1
Quy mô nhỏ	15	7	7	1	0
Tổng	60	27	30	1	2

Nguồn: Tổng hợp số liệu kết quả điều tra, 2015

Sau khi phỏng vấn 60 hộ thì có 100% hộ được biết đến công tác dồn điền đổi thửa thông qua UBND xã và cán bộ thôn thông báo trên loa phát thanh của xã thôn và thông qua các cuộc họp dân phổ biến về công tác dồn điền đổi thửa. Có 95% hộ (57/60 hộ được phỏng vấn) đồng tình với chủ trương dồn điền đổi thửa trong đó có 45% hộ (27/60 hộ được phỏng vấn) cho rằng chủ trương này rất phù hợp và 50% hộ (30/60 hộ được phỏng vấn) cảm thấy chủ trương này phù hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp hiện nay của địa phương, họ mong rằng sau khi dồn điền đổi thửa thì số thửa ruộng của họ sẽ giảm đi, họ sẽ có được thửa ruộng lớn hơn mà vẫn giữ nguyên được diện tích, có 2% hộ (1/60 hộ được phỏng vấn) cho rằng chủ trương này không phù hợp với tình hình sản xuất hiện nay của địa phương vì họ cho rằng hiện nay đang sản xuất một cách ổn định và ruộng màu mỡ, gần nhà nên họ không đồng tình vì sợ bóc phải những thửa ruộng có chất lượng đất xấu hơn, khó canh tác. Còn lại 3% hộ (2/60 hộ được phỏng vấn) không có ý kiến gì về công tác dồn điền đổi thửa tại địa phương.

4.2.4 Nhận thức của người dân về dồn điền đổi thửa

Trước khi chuyển đổi ruộng đất nhận thức của người nông dân đối với ruộng đất là cần có ruộng tốt, ruộng xấu, có gần có xa để giảm nhẹ thiên tai, thuận tiện canh tác thủ công, dễ dàng trong việc thừa kế tài sản... từ đó ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ, phân tán. Song khi có nghị quyết về chuyển đổi ruộng đất, các cuộc họp và tuyên truyền, vận động của xã thôn về tầm quan trọng của việc dồn điền đổi thửa đặc biệt là khi họ thấy được hiệu quả sau chuyển đổi là rất sát thực với mình nên người nông dân đã dần nhận thức được tầm quan trọng và tính cần thiết phải chuyển đổi ruộng đất để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế hiện nay của đất nước cũng như từng cá nhân hộ gia đình, từ đó công tác chuyển đổi đã được thực hiện trên tinh thần tự nguyện.

4.2.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác ĐDDT

4.2.5.1 Thuận lợi

- Quỳnh Hồng là một xã thuần nông, cơ cấu cây trồng đơn giản, tập trung phần lớn vào sản xuất lúa nên việc dồn điền đổi thửa không quá phức tạp, không gây ảnh hưởng đến sản xuất của các hộ nông dân.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền, ban chỉ đạo chỉ đạo quyết liệt tập trung, kế hoạch, đề án chuyển đổi được lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, Đảng viên và nhân dân nên đã tạo được sự thống nhất đồng thuận cao.

- Công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước được quan tâm. Thường xuyên thông báo tuyên truyền Quyết định 2928 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch vận động nông dân “dồn điền, đổi thửa” kế hoạch, đề án chuyển đổi ruộng đất của UBND xã.

- Mặt trận tổ Quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, ban công tác mặt trận 9 thôn làm tốt công tác phối hợp và tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động nhân dân tập trung chỉnh trang đồng ruộng và chuyển đổi ruộng đất theo tinh thần chỉ thị 08 của BTV tỉnh ủy.

- Các thành viên ban chỉ đạo, cán bộ thôn, tiểu ban chuyên đổi các thôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác chuyên đổi đất lần 2 hoàn thành tốt đề án.

- Đồng ruộng được quy hoạch vùng sản xuất tập trung, cơ cấu theo từng xứ đồng, từng thôn, hệ thống giao thông thủy lợi được bổ sung và chỉnh trang lại bờ vùng, bờ thửa được mở rộng kênh mương tưới, tiêu và đồng ruộng được đảm bảo để cơ giới vào sản xuất, ruộng đồng chia cho các hộ gia đình theo hướng tập trung, thuận canh thuận cư, số thửa của hộ gia đình giảm.

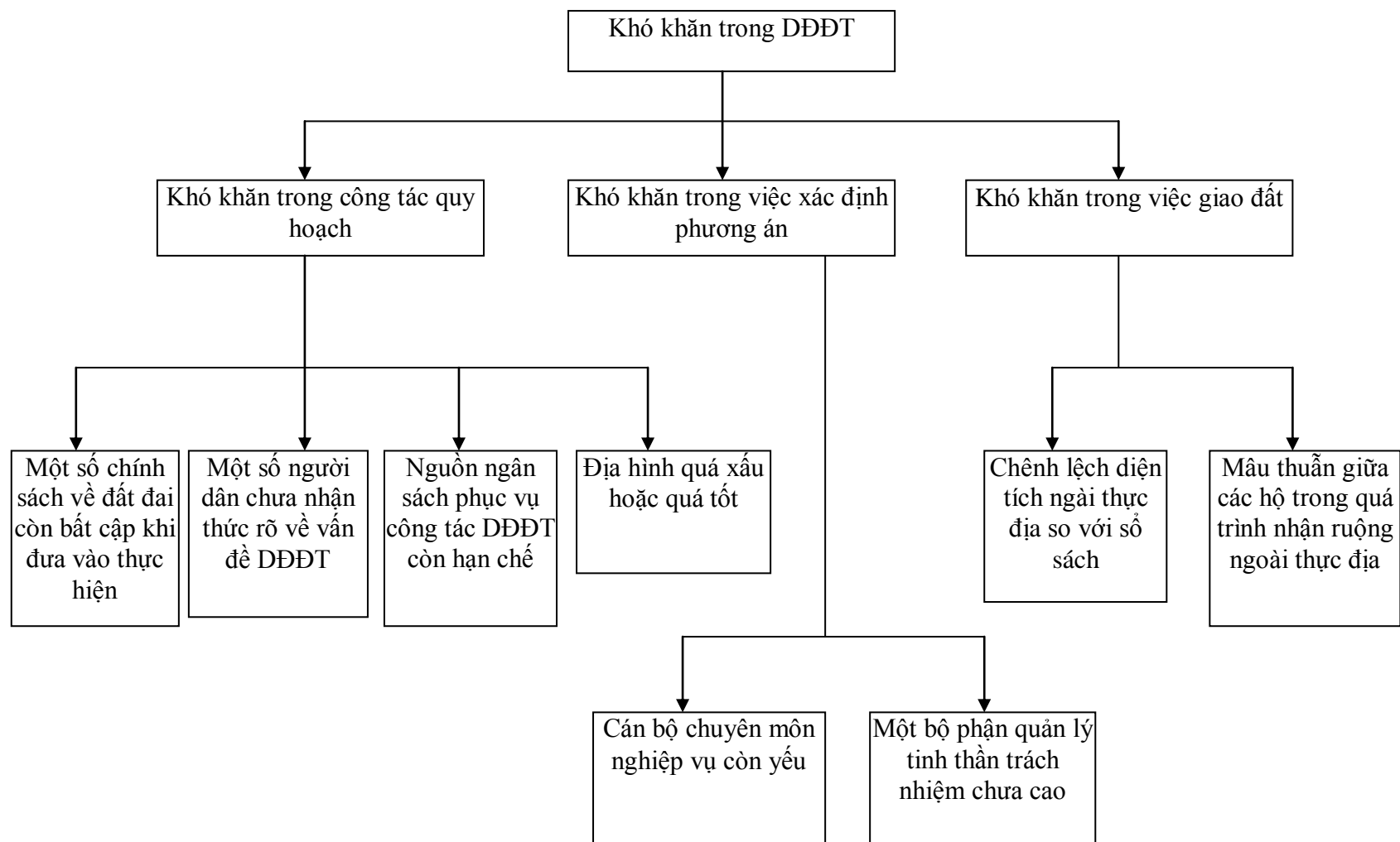
Hộp 1. Ý kiến của người dân về kết quả công tác dồn điền đổi thửa

“Trước đây, gia đình tui có 4 thửa ở 4 xứ đồng khác nhau thì bây giờ chuyên còn 2 thửa. Qua chuyên đổi thấy có mấy thuận lợi: thứ nhất đỡ công lao động, thứ 2 đi làm thuận tiện hơn. Khi chuyên đổi bờ vùng to hơn, đỡ công lao động, đỡ vật tư, đỡ công chăm sóc hơn. Qua đó, có thể thấy rằng đây là một chủ trương đúng đắn, chúng tôi rất vui và hài lòng về chủ trương này”

Ông Nguyễn Văn Quang – Thôn 3, xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

- Sau chuyên đổi đồng ruộng được chỉnh trang, cải tạo đẹp hơn, hệ thống giao thông thủy lợi bổ sung và mở rộng từ 3,5 – 5m phục vụ tốt cho sản xuất, nhân dân vui vẻ, phấn khởi, yên tâm sản xuất.

4.2.5.2 Khó khăn



Sơ đồ 4.3 Khó khăn trong công tác dồn điền đổi thửa xã Quỳnh Hồng

- **Khó khăn trong công tác quy hoạch**

- Khó khăn lớn nhất trong công tác quy hoạch là vẫn còn một bộ phận người nông dân chưa nhận thức rõ được tác dụng của dồn điền đổi thửa, chưa nghĩ đến lợi ích chung mà mọi người được hưởng, họ chỉ nghĩ đến lợi ích riêng cho bản thân mình.

Một bộ phận chưa thích ứng được với công tác dồn điền đổi thửa, họ vẫn theo những phong tục tập quán từ xưa, thích có nhiều thửa.

- Khó khăn trong quá trình hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng và phát triển sản xuất sau quá trình dồn điền đổi thửa. Do nguồn ngân sách còn hạn chế nên hiện nay vẫn còn nhiều cầu cống qua các trục đường chưa được lắp đặt làm cho việc tưới tiêu của các hộ chưa được thuận lợi, vẫn còn nhiều tuyến đường chính chưa được bê tông hóa làm cho việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn.

- **Khó khăn trong việc xác định phương án dồn điền đổi thửa**

- Khó khăn trong việc xác định phương án dồn điền đổi thửa là năng lực của cán bộ cấp xã còn hạn chế, mỏng chuyên môn về lên kế hoạch quy hoạch nên khi triển khai gặp nhiều khó khăn

- Một số thành viên ban chỉ đạo được phân công chỉ đạo các thôn chưa sâu sát, một số tiểu ban chuyển đổi chưa thực sự nhiệt tình trong công tác, một số tiểu ban chuyển đổi còn để nhân dân có đơn thư phải giải quyết.

Hộp 2. Ý kiến của hộ nông dân về tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ tham gia chỉ đạo công tác ĐDDT

“Đã liên quan đến quyền lợi của người dân , đòi hỏi cán bộ địa phương phải minh bạch. Đảng này, nhiều cán bộ thờ ơ, vô trách nhiệm, có những ý kiến thắc mắc của người dân không được trả lời cặn kẽ dẫn đến có những mâu thuẫn, xung đột giữa người dân và cán bộ”

Bà Đặng Thị Lai: Thôn 5 – xã Quỳnh Hồng – Quỳnh Lưu – Nghệ An

- Công tác quản lý chỉ đạo đào đắp giao thông thủy lợi của một số thôn chưa sâu sát, trách nhiệm chưa cao, chất lượng đào đắp và bồi trúc một số tuyến đường chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng và khó khăn cho nhân dân, tổn kém chi phí bồi trúc, cải tạo của nhân dân. Một số thôn công tác thực hiện đào đắp và tổ chức nghiệm thu còn chậm chưa đảm bảo tiến độ.

- Công tác báo cáo tình hình, kết quả chuyên đo ruộng đất của một số thôn còn chậm.

- Khó khăn trong việc giao đất

- Nhiều vấn đề phức tạp xảy ra trong việc giao đất nguyên nhân do khi đo đạc vẫn còn bỏ sót, chưa tính hết các bờ vùng, bờ thửa, hoặc khi giao đất cho các hộ, cán bộ đo đạc có sự dịch chuyển dẫn đến việc không chính xác trong đo đạc.

Hộp 3. Ý kiến của hộ nông dân về việc đo đạc đất không chính xác

“Mục đích của việc dồn điền đổi thửa là nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, giảm manh mún ruộng đất mà vẫn giữ nguyên được diện tích, vậy mà khi đưa vào thực tế thì lại khác, diện tích ruộng của nhà tôi lại bị giảm đi”

Ông Nguyễn Văn Khoa: thôn 4 – xã Quỳnh Hồng – Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Một số hộ muốn có phần ruộng đẹp, gần trục đường chính dẫn đến mâu thuẫn, làm gián đoạn trong việc giao đất.

4.3 Giải pháp thúc đẩy công tác dồn điền đổi thửa tại xã Quỳnh Hồng nói riêng và tại các địa phương khác nói chung

4.3.1 Giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác quy hoạch tại xã

Để khắc phục một số khó khăn trong công tác quy hoạch trên, tôi xin đưa ra một số giải pháp sau:

Công tác dồn điền đổi thửa cần phải đảm bảo nguyên tắc: Tổ chức thực hiện dồn điền, đổi thửa phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp. Phải có quyết tâm cao, đồng thời bảo đảm sự đoàn

kết, ổn định tình hình nông thôn. Phương án dồn điền, đổi thửa phải tuân thủ Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Đồng thời thực tế đã chứng minh, ở những địa phương làm tốt công tác tuyên truyền thì việc tham gia của người dân đông đủ và mức độ thành công cao hơn, làm tốt công tác này khiến cho việc thực hiện dễ dàng hơn. Bên cạnh một số hình thức tuyên truyền cổ điển như: tuyên truyền về nghị quyết, chủ trương chính sách, tuyên truyền về đề án chuyển đổi, các bước chuyển đổi, phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh, treo cờ, băng rôn khẩu hiệu thì ban chỉ đạo các thôn điều tra đã nhạy bén hơn bằng cách thành lập các nhóm nhỏ để đến từng hộ gia đình không đi họp hoặc không quan tâm tới hoạt động dồn điền đổi thửa để tuyên truyền và giải thích cho các hộ dân đặc biệt là các hộ dân đang có những thắc mắc về công tác này cho họ hiểu được những bước cơ bản và lợi ích của mình do đó giảm hạn chế những xung đột làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách.

Đối với những nơi hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng chưa hoàn thiện xong thì xã và thôn cần tích cực hoàn thiện để sớm phục vụ cho sản xuất của các hộ dân. Với hệ thống giao thông chính, liên thôn, liên xã và giao thông nội đồng cần nâng cấp, tiến hành bê tông hóa để thuận tiện cho việc đi lại và đưa máy móc cơ giới ra ngoài đồng ruộng.

Làm tốt công tác tư tưởng để nhân dân thấy được sự cần thiết phải chuyển đổi ruộng đất trên tinh thần tự nguyện, tăng cường tình làng nghĩa xóm trong nông thôn.

Làm tốt công tác khuyến nông và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp vào địa phương bằng cách: tăng cường đội ngũ khuyến nông tại cơ sở, thường xuyên vận động, tuyên truyền, hướng dẫn và giúp đỡ người dân trong việc áp dụng tiến bộ, kỹ thuật sản xuất mới, đưa những giống cây trồng mới phù hợp với địa hình và điều kiện tự nhiên để nâng cao năng suất và giá trị kinh tế. Cán bộ xã, thôn cần tổ chức các lớp tập

huấn hướng dẫn cho người dân tích cực tìm hiểu các loại giống mới và kỹ thuật mới vào sản xuất thâm canh.

4.3.2 Giải pháp khắc phục khó khăn trong việc xác định phương án dồn điền đổi thửa

Phương án chuyển đổi cần có tính hợp lý và khả thi. Đất được chia theo nghị định 64 CP là phù hợp với mô hình sản xuất nhỏ lẻ, sản xuất mang tính tự cung tự cấp, hạn chế các thiên tai do thời tiết và tạo sự công bằng giữa các hộ nông dân, song khi nền kinh tế phát triển việc sản xuất nông nghiệp không chỉ phục vụ cho việc cung cấp lương thực cho gia đình mà phải tổ chức sản xuất để hình thành nên các vùng sản xuất lớn cho năng suất, sản lượng cao phục vụ xuất khẩu thì việc đất đai manh mún không còn phù hợp. Nhận thức được điều đó chính là đã thành công một nửa của việc chuyển đổi ruộng đất. Từ đó phương án chuyển đổi ruộng đất mà BCD và tổ công tác đưa ra là phù hợp với điều kiện hiện nay, đó là bước đột phá để người dân tự lựa chọn phương thức sản xuất, tự quyết định nên làm gì trên mảnh đất của mình để đem lại hiệu quả cao nhất.

Chọn đội ngũ cán bộ chuyên môn tham gia dồn điền đổi thửa của thôn, xã là những người có năng lực có uy tín và thực hiện công tâm khách quan. Cán bộ thôn là những người bám sát thực tế để uốn nắn kịp thời những tồn tại trong quá trình dồn điền đổi thửa. Và luôn là người tiên phong đi đầu sẵn sàng nhận khó khăn, thiệt thòi về mình.

Mọi việc phải công khai, dân chủ tạo sự đồng thuận cao mới được tiến hành. Cán bộ phải tận tâm, tận lực, tận tình với công việc và nhân dân. Nắm chắc quy trình, các bước thực hiện để giải quyết những thắc mắc của nhân dân.

Ngoài ra, chính quyền địa phương cần thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để nâng cao trình độ.

4.3.3 Giải pháp khắc phục khó khăn trong việc giao đất

Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện đất đai của từng vùng có thể dùng hệ số quy đổi giữa các nhóm đất hoặc vùng đất theo quy hoạch để tính diện tích giao cho hộ nhằm đảm bảo sự công bằng và ít bị sai lệch. Sau khi dồn điền đổi thửa phải thực hiện đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp đổi hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân và thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai vào hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

Huy động sức mạnh của toàn dân là phương châm lấy sức dân để lo cho dân, thực hiện thành công dồn điền đổi thửa thì chìa khóa chính là sự đoàn kết, đồng thuận, quyết tâm trong Đảng, trong dân.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Dồn điền đổi thửa chiếm một vị trí rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới. Dồn điền đổi thửa là xu hướng tất yếu của quá trình tập trung, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi tập trung ruộng lại thành những thửa lớn để dễ canh tác, dễ đầu tư, quy hoạch chỉnh trang lại hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng. Thuận lợi cho việc cơ giới hóa, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh, tiết kiệm được chi phí sản xuất, giải phóng sức người, chuyển dịch lao động trong nông nghiệp. Tạo điều kiện phát triển ngành nghề sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa.

Quỳnh Hồng là một xã thuần nông có điều kiện tự nhiên, đất đai và vị trí địa lý khá thuận lợi, phù hợp với việc thực hiện công tác dồn điền đổi thửa. Cùng với chương trình nông thôn mới và chỉ thị 08 CT/TU thì xã Quỳnh Hồng đã tổ chức thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về đẩy mạnh vận động nông dân dồn điền đổi thửa và khuyến khích tích tụ ruộng đất để triển khai sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp.

Nhìn chung công tác dồn điền đổi thửa tại xã cũng đạt được một số kết quả nhất định. Hoạt động tuyên truyền vận động tương đối tốt. Sau khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, tổng số thửa trên toàn xã năm 2014 là 4116 thửa, giảm 900 thửa so với năm 2012, bình quân 2,14 thửa/hộ, số hộ nhiều thửa đã giảm xuống đáng kể, giảm tình trạng manh mún ruộng đất, nếu như trước DĐĐT diện tích thửa lớn nhất là 1063m² thì sau DĐĐT diện tích thửa lớn nhất là 1776m² bình quân số thửa/hộ giảm 2,44 thửa/hộ tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ thâm canh sản xuất. Tuy nhiên, trong 60 hộ điều tra thì những hộ có quy mô lớn có bình quân số thửa/hộ còn cao (2,96 thửa/hộ).

Trong quá trình thực hiện DĐĐT tại 3 thôn điều tra đã gặp được một số thuận lợi như: Nhận được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, UBND xã và sự

chỉ đạo của BCD xã, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể, đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đồ án quy hoạch chung, quy hoạch đất nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất đã được UBND huyện phê duyệt xong, lấy được ý kiến tham gia của nhân dân làm cơ sở xây dựng phương án dồn điền đổi thửa của xã cũng như các thôn. Bên cạnh đó cũng gặp một số khó khăn như: ruộng ở các thôn ở nhiều xứ đồng, mặt bằng ruộng đất không đồng đều gây khó cho khâu quy hoạch, vẫn còn một số xung đột của người dân về lợi ích cũng như diện tích đất của hộ, một số cán bộ chưa nhận thức rõ về mục đích yêu cầu của chuyển đổi, trình độ thấp, ngại va chạm và tư lợi cá nhân nên ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình thực hiện.

Một số thành viên ban chỉ đạo được phân công chỉ đạo các thôn chưa sâu sát, một số tiểu ban chuyển đổi chưa thực sự nhiệt tình trong công tác, một số tiểu ban chuyển đổi còn để nhân dân có đơn thư phải giải quyết.

Công tác quản lý chỉ đạo đào đắp giao thông thủy lợi của một số thôn chưa sâu sát, trách nhiệm chưa cao, chất lượng đào đắp và bồi trúc một số tuyến đường chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng và khó khăn cho nhân dân, tốn kém chi phí bồi trúc, cải tạo của nhân dân.

Trên cơ sở đó, để công tác dồn điền đổi thửa được diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả, cần có các giải pháp đồng bộ trong đó tập trung chủ yếu là giải pháp tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia công tác dồn điền đổi thửa, làm cho người dân hiểu được lợi ích mà họ nhận được sau công tác dồn điền đổi thửa là gì. Bởi vì bất kỳ chính sách nào muốn thực hiện tốt và đạt kết quả cao thì cần phải được lòng dân ủng hộ.

5.2. Kiến nghị

Công tác dồn điền đổi thửa là nhiệm vụ hết sức quan trọng để thực hiện việc xây dựng nông thôn mới, vì thế đòi hỏi các cấp chính quyền cần có sự tập trung cao độ, có sự bắt tay vào cuộc của các cấp từ trung ương đến địa phương đồng bộ thống nhất trong suốt quá trình dồn điền đổi thửa

5.2.1. Đối với chính quyền địa phương

Muốn đồn điền đổi thửa thành công, công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu được lợi ích thiết thực của việc đồn điền đổi thửa, tự nguyện tham gia là nhiệm vụ hàng đầu. Cần có chủ trương và sự chỉ đạo thống nhất từ cấp trung ương đến cấp địa phương.

Tăng cường công tác chỉ đạo công tác đồn điền đổi thửa, cử cán bộ về chỉ đạo nhân dân thực hiện công tác đồn điền đổi thửa.

Tăng cường công tác khuyến nông để hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, đưa các giống cây trồng, vật nuôi mới có phẩm chất, năng suất tốt vào sản xuất nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

Công tác quản lý cần sâu sát hơn nữa và có trách nhiệm hơn để nhanh chóng hoàn thiện hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng tạo điều kiện cho các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp thuận lợi hơn.

Đối với những người tham gia thực hiện phải là những người công tâm, minh bạch không tư lợi cá nhân làm ảnh hưởng đến công tác và lòng tin nơi nhân dân.

5.2.2 Đối với người nông dân

Các hộ nông dân cần nắm rõ về chủ trương, chính sách chuyển đổi ruộng đất của địa phương, tham gia đầy đủ các buổi họp thôn, xóm để có ý kiến thảo luận với tổ công tác và ban chỉ đạo.

Nâng cao ý thức trách nhiệm về tham gia và đóng góp ngày công cũng như tài chính để phục vụ mục đích chung trong công tác chuyển đổi như làm hệ thống giao thông nội đồng, quy hoạch bờ vùng, bờ thửa, cải tạo đồng ruộng.

Cần xác định rõ việc thực hiện đồn điền đổi thửa mang lại lợi ích cho chính hộ gia đình cá nhân, từ đó nâng cao ý thức cá nhân, san sẻ lợi ích, chấp nhận rủi ro để không làm cản trở, cũng như gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu sách báo, văn bản

Tạp chí Khoa học và Phát triển 2013, tập 11, số 7:1005-1014

Hùng Cường (2011), “*Bài giảng khoa học đất*”, ngày 7/10/2011, nguồn:
<http://tailieu.vn/doc/bai-giang-khoa-hoc-dat-875076.html>, ngày
4/4/2015

Đặng Anh Quân (2014), “*Bài giảng khái niệm về đất đai*”, ngày 28/3/2014,
nguồn :<http://tailieu.vn/tag/khai-niem-ve-dat-dai.html>, ngày 3/4/2015

Văn Nội (2013), “*Các vấn đề cơ bản về nhóm đất nông nghiệp*”, ngày
9/3/2014, nguồn:<http://luanvan.co/luan-van/cac-van-de-co-ban-ve-nhom-dat-nong-nghiep-10085/>, ngày truy cập 10/4/2015

Ngô Việt Phương (2014), “*Đánh giá tác động của dồn điền đổi thửa đến phát triển kinh tế hộ nông dân tại thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh*”, ngày 7/11/2014, nguồn:
<http://www.zbook.vn/ebook/danh-gia-tac-dong-cua-don-dien-doi-thua-den-phan-trien-kinh-te-ho-nong-dan-tai-thi-tran-nghen-huyen-can-loc-tinh-ha-tinh-3593/>, ngày truy cập 15/4/2015

Nguyễn Văn Linh (2013), “*đánh giá tác động của dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp đến sản xuất của nông hộ tại huyện việt yên tỉnh bắc giang*”, ngày 8/8/2013, nguồn:
http://123doc.org/doc_search_title/504119-luan-van-danh-gia-tac-dong-cua-don-dien-doi-thua-dat-nong-nghiep-den-san-xuat-cua-nong-ho-tai-huyen-viet-yen-tinh-bac-giang.htm, ngày 14/4/2015

Đề án xây dựng nông thôn mới xã Quỳnh Hồng- Huyện Quỳnh Lưu- tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2020.

Đề án thực hiện dồn điền đổi thửa xã Quỳnh Hồng năm 2014

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1993): Nghị định 64/CP về giao đất nông nghiệp, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng lâu dài.

Lê Văn Tiến (2008): Thực trạng và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau khi thực hiện chính sách “dồn điền đổi thửa” trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc.

Phạm Văn Đình- Đỗ Kim Chung (1999)- Giáo trình kinh tế nông nghiệp, trường ĐHNN Hà Nội.

Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam,

<http://www.vaas.org.vn>

Thái Nhi (2013), “Quỳnh Lưu”, ngày 5/4/2013,

nguồn:http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%B3nh_L%C6%B0u,

ngày 14/4/2015

Bách khoa toàn thư (2014), *Quỳnh Lưu*, từ

http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%B3nh_L%C6%B0u, truy cập

ngày 11/5/2015

Tài liệu luận văn/luận án

Trần Thị Thu Hường (2009). *Thực trạng sử dụng đất trên địa bàn Huyện Cẩm Xuyên*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội.

Bùi Luyện (2013), “*Luận văn Dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay*”, ngày 29/11/2013, nguồn:

<http://luanvan.net.vn/luan-van/luan-van-don-dien-doi-thua-dat-nong-nghiep-o-tinh-vinh-phuc-hien-nay-56057/>, ngày truy cập 3/4/2015.

Đình Văn Thắng (2013), “*Nghiên cứu hoạt động dồn điền đổi thửa thuộc chương trình nông thôn mới tại xã Dương Quang, Huyện Gia Lâm, Hà Nội*”, luận văn tốt nghiệp, trường Học viện Nông nghiệp Việt

Nam.

Nguyễn Phương Thúy (2012). *“Đánh giá công tác đồn điền đổi thửa tại xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình”*, luận văn tốt nghiệp, trường Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Hà Thị Quỳnh Trang (2008). *Tìm hiểu về tình hình thực hiện chủ trương đồn điền đổi thửa đất nông nghiệp tại Huyện Phúc Thọ, Tỉnh Hà Tây*, Khóa luận tốt nghiệp Đại Học, Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội.

Dương Kim Sơn (2010). *Nghiên cứu tình hình thực hiện công tác đồn điền đổi thửa trên địa bàn Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh*, luận văn thạc sỹ kinh tế, trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội.

PHỤ LỤC
PHIẾU ĐIỀU TRA HỘ NÔNG DÂN

Người điều tra:

Ngày điều tra:

Thôn:

Xã:

I. Thông tin chung

1. Họ tên chủ hộ:..... Tuổi:.....

2. Giới tính: Nam Nữ

3. Địa chỉ: Thôn:....., xã Quỳnh , huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An

4. Trình độ học vấn

Không đi học Cấp I

Cấp II Cấp III

5. Ngành nghề chính của hộ: Nông

Nông nghiệp Phi nông nghiệp

6. Thu nhập chủ yếu từ:

Trồng trọt/chăn nuôi Kinh doanh, hoạt động phi nông nghiệp

Lương, trợ cấp Khác.....

7. Số nhân khẩu của hộ:.....người

8. Phân loại nhóm hộ:

Quy mô lớn Quy mô vừa Quy mô nhỏ

II. Tình hình đồn điền đổi thửa của xã

1. Gia đình ông bà có tiến hành đồn điền đổi thửa không?

Có Không

2. Ông bà có biết về chủ trương đồn điền đổi thửa này không?

- Có Không

- Nếu biết thì nguồn thông tin từ đâu?

- Xã, thôn thông báo Hợp tác xã thông báo
 Qua trao đổi với các hộ khác trong thôn, xã Khác.....

- Nếu không thì do nguyên nhân nào?

- Thôn, xã không thông báo Gia đình không quan tâm
 Gia đình không nghe thông báo Gia đình đi vắng

3. Ông bà đã được tham gia bao nhiêu cuộc họp để nghe phổ biến về công tác dồn điền đổi thửa:.....

4. Ông bà có đồng tình với chủ trương này không?

- Đồng tình Không đồng tình

Nếu không thì vì sao?.....

5. Ông (bà) thấy chủ trương này có phù hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp hiện nay không?

- Không phù hợp Phù hợp Rất phù hợp

6. Nguyên vọng của ông (bà) như thế nào qua việc chuyển đổi ruộng đất?

- Có được ruộng lớn Không thay đổi về số thửa ruộng

7. Ông (bà) có tham gia dự họp để biết được các bước tiến hành dồn điền đổi thửa không?

- Có Không

8. Theo ông (bà) các bước tiến hành dồn điền đổi thửa như thế nào?

- Quá rườm rà Quá đơn giản
 Rất cụ thể Bình thường

9. Trước khi dồn điền đổi thửa, gia đình ông (bà) có:

- Số thửa: (thửa)

- Diện tích: m² (.....sào)

- Diện tích của thửa nhỏ nhất: m² (.....sào)

- Diện tích của thửa lớn nhất: m² (.....sào)

10. Sau khi dồn điền đổi thửa, gia đình ông (bà) có:

- Số thửa: (thửa)

- Diện tích: m² (.....sào)

- Diện tích của thửa nhỏ nhất: m² (.....sào)

- Diện tích của thửa lớn nhất: m² (.....sào)

III. Nhận xét của chủ hộ về công tác dồn điền đổi thửa

1. Ông (bà) có hài lòng về kết quả sau khi dồn điền đổi thửa không?

Không hài lòng Hài lòng Rất hài lòng

- Nếu không hài lòng thì vì lý do gì?

Diện tích bị ít đi so với trước Ruộng quá xa nhà

Đất xấu hơn so với trước Lý do khác.....

2. Ông (bà) có thấy công tác dồn điền đổi thửa hợp lý hay không?

Không hợp lý Hợp lý Rất hợp lý

3. Ông (bà) có tự nguyện tham gia chuyển đổi ruộng đất theo đề án của ủy ban nhân dân xã không?

Có Không

- Không là vì:

.....

- Chính quyền các cấp đã làm gì để ông (bà) tham gia chuyển đổi?

.....

4. Ông (bà) có được hỗ trợ gì trong quá trình chuyển đổi không?

Có Không

- Nếu có thì là cái gì?.....

5. Ông (bà) có được hưởng lợi gì từ quá trình dồn điền đổi thửa không?

Có Không

- Nếu có thì là cái gì?.....

6. Cơ sở hạ tầng giao thông nội đồng tại xã ông (bà) như thế nào?

STT	Các chỉ tiêu	Trước chuyển đổi			Sau chuyển đổi		
		Tốt	Trung bình	Xấu	Tốt	Trung bình	Xấu
1	Chất lượng đường giao thông nội đồng trong xã						
2	Đường giao thông nội đồng thuận tiện cho xe cơ giới vào vận chuyển						
3	Hệ thống thủy lợi thuận tiện cho việc tưới tiêu						

7. Hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng được thay đổi như thế nào?

- Thay đổi nhiều Thay đổi ít Không thay đổi

8. Sau đồn điền đổi thửa thì việc sản xuất lúa (cấy hái và thu hoạch mùa màng) có tiết kiệm công sức và thời gian hơn so với trước đồn điền đổi thửa không?

- Có Không Không thay đổi

9. Sau đồn điền đổi thửa thì diện tích cây vụ đông thay đổi so với trước đồn điền đổi thửa như thế nào?

- Tăng Giảm Không đổi

10. Sau khi đồn điền đổi thửa ông (bà) sẽ áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhiều hơn trước không?

- Nhiều hơn Không đổi Ít hơn trước

11. Ý kiến của hộ về công tác đồn điền đổi thửa

- Ông (bà) thấy đồn điền đổi thửa có những thuận lợi và khó khăn gì? (chi phí sản xuất, kết quả sản xuất, thu nhập, tập quán canh tác...)

Thuận lợi:

.....
.....

Khó khăn:

.....
.....

Ông (bà) có những kiến nghị gì để khắc phục những khó khăn đó?

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn ông (bà)!